

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẦU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẦU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA BÊN NGOÀI CỦA
CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN**

ĐƠN VỊ CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Số 03 đường Tô Hiệu, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên,
Tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: (0321) 3862 487

Fax: (0321) 3865 298

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3.944.6666

Fax: (04) 3.944.8071

Hưng Yên, tháng 02 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ	4
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	5
I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN.....	5
II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN.....	5
III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN	5
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	5
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	6
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA....	6
1. Thông tin chung về Doanh nghiệp cổ phần hóa.....	6
2. Quá trình hình thành và phát triển	6
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	10
4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu	10
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên	10
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần.....	14
7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa ...	15
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	18
9. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con.....	29
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	29
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	39
II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	41
1. Mục tiêu cổ phần hóa.....	41
2. Điều kiện cổ phần hóa.....	41
3. Hình thức cổ phần hóa	41
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần	42
5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	43
6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	43
7. Cơ cấu tổ chức và quản lý Xí nghiệp sau cổ phần hóa	44
III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA XÍ NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	45
1. Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược phát triển Công ty	47
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa.....	47
3. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	53
4. Biện pháp thực hiện	54
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	58
I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN	58

1.	Rủi ro về kinh tế.....	58
2.	Rủi ro pháp lý.....	58
3.	Rủi ro của đợt chào bán	59
4.	Rủi ro khác.....	59
II.	PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	59
1.	Đối tượng mua cổ phần.....	59
2.	Cổ phần Nhà nước nắm giữ.....	59
3.	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	60
4.	Cổ phần bán cho Công đoàn	62
5.	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.....	62
6.	Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài.....	64
7.	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	64
III.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA	64
IV.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	65
1.	Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty	65
2.	Đại diện Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên	Error! Bookmark not defined.
3.	Đại diện Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên	65
4.	Đại diện Tổ chức tư vấn.....	66
V.	KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, NIÊM YẾT	66

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	10
Bảng số 2: Danh sách lao động tại thời điểm Công bố giá trị doanh nghiệp	14
Bảng số 3: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	15
Bảng số 4: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015	15
Bảng số 5: Thống kê đất đai của Công ty tính đến thời điểm hiện tại.....	18
Bảng số 6: Tài sản cố định tại thời điểm ngày 31/12/2015	23
Bảng số 7: Thống kê máy móc thiết bị, PTVT tại thời điểm ngày 31/12/2015.....	23
Bảng số 8: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm ngày 31/12/2015.....	25
Bảng số 9: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng đầu năm 2016	30
Bảng số 10: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng 2016.....	31
Bảng số 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng 2016.....	31
Bảng số 12: Một số hợp đồng mua bán nước sạch lớn của Công ty đang thực hiện giai đoạn 2013-2015	33
Bảng số 13: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty.....	38
Bảng số 14: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	42
Bảng số 15: Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa	43
Bảng số 16: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần	47
Bảng số 17: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 03 năm sau cổ phần.....	48
Bảng số 18: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa.....	65

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên.....	11
Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức công ty cổ phần.....	44

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Công văn số 2080/TTg-ĐMDN ngày 12/11/2015 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2016;
- Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên;
- Quyết định số 44/QĐ-BCĐ ngày 11/3/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp về việc thành lập Tổ giúp việc thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên;
- Quyết định số 2436/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên;
- Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt phương án sử dụng đất Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên;

- Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán làm cơ sở để lựa chọn và bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên;
- Văn bản số 3143/UBND-TH ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xử lý vướng mắc khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên;
- Văn bản số 43/UBND-KT2 ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc đấu nối đường dây và trạm biến áp của Công ty TNHH cấp nước Hải Hưng.
- Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3.944.6666
- Fax: (04) 3.944.8071

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN

- Địa chỉ: Số 03 đường Tô Hiệu, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại: (0321) 3862 487
- Fax: (0321) 3865 298

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3.944.6666
- Fax: (04) 3.944.8071

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. “*Công ty*”: Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Hưng Yên
2. “*Cổ phần*”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
3. “*Cổ phiếu*”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.

4. “*Cổ đông*”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.

5. “*Cổ tức*”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

6. “*Vốn điều lệ*”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

Công ty	Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Hưng Yên
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
UBND	Ủy ban Nhân dân
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CPH	Cổ phần hóa
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
TSCĐ	Tài sản cố định
GTDN	Giá trị Doanh nghiệp
QSD	Quyền sử dụng

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về Doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN.

- Trụ sở chính tại: Số 03 đường Tô Hiệu, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên.

- Điện thoại: (0321) 3862 487

- Fax: (0321) 3865 298

- Vốn điều lệ: **32.424.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu đồng).**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH một thành viên: Số 0900108341 lần đầu ngày 27/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp).

2. Quá trình hình thành và phát triển

 **Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:**

- Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên tiền thân là nhà máy nước thị xã Hưng Yên, được thành lập ngày 25/6/1964 theo Quyết định số 09/TC-CB ngày 25/6/1964 của Ủy ban hành chính tỉnh Hưng Yên với công suất 1.000 m³/ng.đêm, được mở rộng và nâng công suất lên 2.000m³/ng.đêm vào năm 1985.
- Năm 1992 UBND tỉnh Hải Hưng có Quyết định số 712/QĐ/UB ngày 15/9/1992 về việc thành lập Doanh nghiệp nhà nước: Nhà máy nước thị xã Hưng Yên thuộc Sở Xây dựng Hải Hưng.
- Năm 1997 UBND tỉnh Hưng Yên được tái lập (tách ra từ tỉnh Hải Hưng thành 2 tỉnh Hải Dương và tỉnh Hưng Yên). Nhà máy nước thị xã Hưng Yên được đổi tên thành Công ty cấp nước Hưng Yên theo Quyết định số 111/QĐ-UB ngày 27/2/1997 của UBND tỉnh Hưng Yên.
- Giai đoạn 1999 - 2000 UBND tỉnh Hưng Yên giao cho Công ty làm Chủ đầu tư xây dựng HTCN thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, công suất 5.000m³/ng.đêm (Nhà máy nước số II). Tháng 4/2000 HTCN thị xã Hưng Yên, công suất 5.000m³/ng.đêm đã hoàn thành được đưa vào sử dụng cung cấp nước cho nhân dân thành phố Hưng Yên (khi đó Nhà máy nước số I công suất 2.000m³/ng.đêm tạm thời dừng hoạt động).
- Giai đoạn 2000 - 2003 UBND tỉnh Hưng Yên giao cho Công ty làm Chủ đầu tư xây dựng HTCN khu đô thị Phố Nối, công suất 3.000m³/ng.đêm. Tháng 3/2003 HTCN khu đô thị Phố Nối hoàn thành và được đưa vào sử dụng cấp nước cho Khu đô thị mới Phố Nối.
- Năm 2007, Công ty được UBND tỉnh Hưng Yên giao làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng HTCN thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều, huyện Tiên Lữ, công suất 1.500m³/ng.đêm (nguồn nước sạch được lấy từ nguồn nước sau xử lý của dự án đầu tư xây dựng HTCN thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m³/ng.đêm, nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan. Trong khi chờ dự án đầu tư xây dựng HTCN thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m³/ng.đêm, nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan đang chuẩn bị triển khai thực hiện, trước mắt nguồn nước sạch cấp cho HTCN thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều, huyện Tiên Lữ được lấy từ nguồn nước sạch sau xử lý của HTCN, thành phố Hưng Yên). Dự án đầu tư xây dựng HTCN thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều, huyện Tiên Lữ được khởi công tháng 9/2007 và hoàn thành tháng 8/2009 phục vụ cung cấp nước cho nhân dân thị trấn Vương và các xã Dị Chế, xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ.
- Năm 2008, Công ty được UBND tỉnh Hưng Yên giao làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, công suất 3.000m³/ng.đêm (trong đó nguồn nước sạch sau xử lý cấp cho thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu là 1.000m³/ng.đêm, cấp 2.000m³/ng.đêm cho thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động). Dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu được khởi công tháng 5/2008 (Do điều kiện chậm về bố trí nguồn vốn phục vụ công tác GPMB thu hồi đất xây dựng khu xử lý và khó khăn do biến động giá cả tăng,...ngoài tầm kiểm soát nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án) đến tháng 7/2014 công trình được hoàn thành đưa

vào sử dụng phục vụ cung cấp nước cho nhân dân thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu.

- Năm 2008, Công ty được UBND tỉnh Hưng Yên giao làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động, công suất 2.000m³/ng.đêm (nguồn nước sạch được lấy từ nguồn nước sau xử lý của HTCN thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu). Dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động được khởi công 5/2008 (Do phải chờ dự án đầu tư xây dựng HTCN thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu hoàn thành thì mới có nguồn nước để đầu nối đồng hồ cho các hộ tiêu thụ, đồng thời dự án còn phải chờ Chương trình nước và vệ sinh các thị trấn ở Việt Nam bố trí nguồn vốn đầu nối đồng hồ cho các hộ tiêu thụ) đến tháng 4/2015 công trình được hoàn thành đưa vào sử dụng phục vụ cung cấp nước cho nhân dân thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động.

- Năm 2008, Nhà máy nước số I công suất 2.000m³/ng.đêm tại số 81 đường Trưng Trắc, Phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên được UBND tỉnh Hưng Yên cho phép thanh lý (do máy móc thiết bị, công trình công nghệ của Nhà máy đã quá cũ xuống cấp, nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn nhiều). Công ty đã bàn giao các khu đất của Nhà máy nước số I cho UBND thành phố Hưng Yên quản lý sử dụng.

- Năm 2008, HTCN khu đô thị Phố Nối, công suất 3.000m³/ng.đêm đã được UBND tỉnh Quyết định bán cho nhà đầu tư mới. Công ty đã tiến hành bàn giao toàn bộ Nhà máy nước Phố Nối cho nhà đầu tư mới tiếp nhận quản lý khai thác vận hành Nhà máy từ tháng 11/2008.

- Năm 2009, thực hiện Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Hưng Yên thành Công ty TNHH một thành viên - Công ty cấp nước Hưng Yên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên.

- Năm 2011, Công ty được UBND tỉnh Hưng Yên giao làm Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng HTCN thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, công suất 1.000m³/ng.đêm. Dự án đầu tư xây dựng HTCN thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi được khởi công tháng 10/2013 và được hoàn thành vào Quý I/2015 phục vụ cung cấp nước cho nhân dân thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi.


* Về dự án đầu tư xây dựng HTCN thành phố Hưng Yên công suất 10.000 m³/ng.đêm, nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan,

- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên, giao cho Công ty làm Chủ đầu tư Dự án đầu tư xây dựng HTCN thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m³/ngàyđêm. Hợp đồng số HY-WP-01 được ký giữa Chủ đầu tư là Công ty Cấp nước Hưng Yên (nay là Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên) và Nhà thầu là Tập đoàn Bafo Phần Lan ngày 01/7/2009 về việc thiết kế chi tiết, thi công, cung cấp vật tư, thiết bị, lắp đặt và đào tạo cho công trình HTCN thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m³/ng.đêm. Ngày có hiệu lực của hợp đồng là ngày 05/12/2009 (ngày Bộ Tài chính ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng cho vay phía Phần Lan).

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng số HY-WP-01, Nhà thầu đã không tuân thủ các nội dung điều khoản của hợp đồng; Nhà thầu đề xuất thay đổi hầu hết xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị theo danh mục hợp đồng đã ký mà không đáp ứng các nội dung điều khoản Hợp đồng... dẫn đến tiến độ thực hiện hợp đồng bị chậm, kéo dài. Tiến độ dự án chậm không hoàn thành được công trình đã gây thiệt hại cho Chủ đầu tư, làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước sạch của Chủ đầu tư tới nhân dân thành phố Hưng Yên và các vùng phụ cận.

- Được sự quan tâm chỉ đạo giúp đỡ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam, UBND tỉnh Hưng Yên, các Bộ Ngành Phần Lan và Việt Nam cùng các Sở, Ban ngành của tỉnh, Chủ đầu tư đã có công văn đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên chấp thuận theo đề xuất của Nhà thầu về việc thay đổi xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị theo danh mục hợp đồng đã ký đảm bảo theo quy định, tạo điều kiện cho Nhà thầu thực hiện thi công hoàn thành công trình, sớm cấp nước cho nhân dân thành phố Hưng Yên và UBND tỉnh Hưng Yên đã chấp thuận cho Nhà thầu thay đổi xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị theo danh mục hợp đồng đã ký tại Văn bản số 1581/UBND-KT1 ngày 10/9/2015. Nhưng, Nhà thầu vẫn chưa phối hợp với Chủ đầu tư để ký phụ lục hợp đồng “Về việc thay đổi điều chỉnh một số nội dung của hợp đồng HY-WP-01 và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng” với các nội dung, điều khoản mà hai bên đã thương thảo cùng với Công ty luật BIZCONSULT của Nhà thầu để tiếp tục thực hiện hợp đồng, mà Nhà thầu lại làm đơn khởi kiện Chủ đầu tư ra Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam với những lý do không đúng sự thực (Nhà thầu đã kiện ngược, vô lý đối với Chủ đầu tư). Sau khi bị khởi kiện, Chủ đầu tư đã có Bản tự bảo vệ số 05-ODA.HY/CV-QLDA ngày 26/01/2016 “ về việc ý kiến phản bác đơn khởi kiện của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư” đồng thời Chủ đầu tư đã có đơn kiện lại Nhà thầu số 06-ODA.HY/CV-QLDA ngày 26/01/2016 “ Vụ kiện: Yêu cầu Nhà thầu Tập đoàn Bafø Phần Lan thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng HY-WP-01 và đền bù thiệt hại cho Chủ đầu tư do việc Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm, kéo dài ” gửi Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam và hiện đang được Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam thụ lý giải quyết.

- Đến nay, tổng công suất cấp nước của Công ty đạt 9.000m³/ng.đêm, cấp nước cho khách hàng trên địa bàn Thành phố Hưng Yên, các vùng phụ cận và một số thị trấn, thị tứ trong tỉnh Hưng Yên với tổng số trên 14 nghìn khách hàng.

 **Các thành tích đã đạt được:**

Năm 2010:

Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên tặng Bằng khen cho Tập thể Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển cộng đồng năm 2010.

Năm 2012:

Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho Tập thể Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã có thành tích xuất sắc năm 2012.

Năm 2013:

Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên tặng Bằng khen cho Tập thể Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900108341 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 27/10/2009, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 04/05/2010, ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng số 1: Ngành nghề sản xuất kinh doanh

TT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;	36
2	Thiết kế các công trình cấp nước quy mô vừa và nhỏ	71
3	Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước quy mô vừa và nhỏ	42

4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công cộng hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm những dịch vụ chính sau:

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước.

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên

Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

* Ban Lãnh đạo Công ty:

- Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc: 01 người
- Kiểm soát viên: 01 người
- Phó Giám đốc: 03 người

* 05 Phòng, Ban chức năng nghiệp vụ:

Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Tài chính kế toán; Phòng kế hoạch kỹ thuật; Phòng kinh doanh; Phòng quản lý dự án.

* 04 chi nhánh trực thuộc trên địa bàn thành phố và huyện:

- Xí nghiệp sản xuất nước thành phố Hưng Yên. Địa chỉ: Số 3 đường Tô Hiệu, Phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
- Xí nghiệp cấp nước thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều. Địa chỉ: Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.
- Xí nghiệp cấp nước Phùng Hưng – Toàn Thắng. Địa chỉ: Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu và Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Xí nghiệp cấp nước thị trấn Ân Thi. Địa chỉ: Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

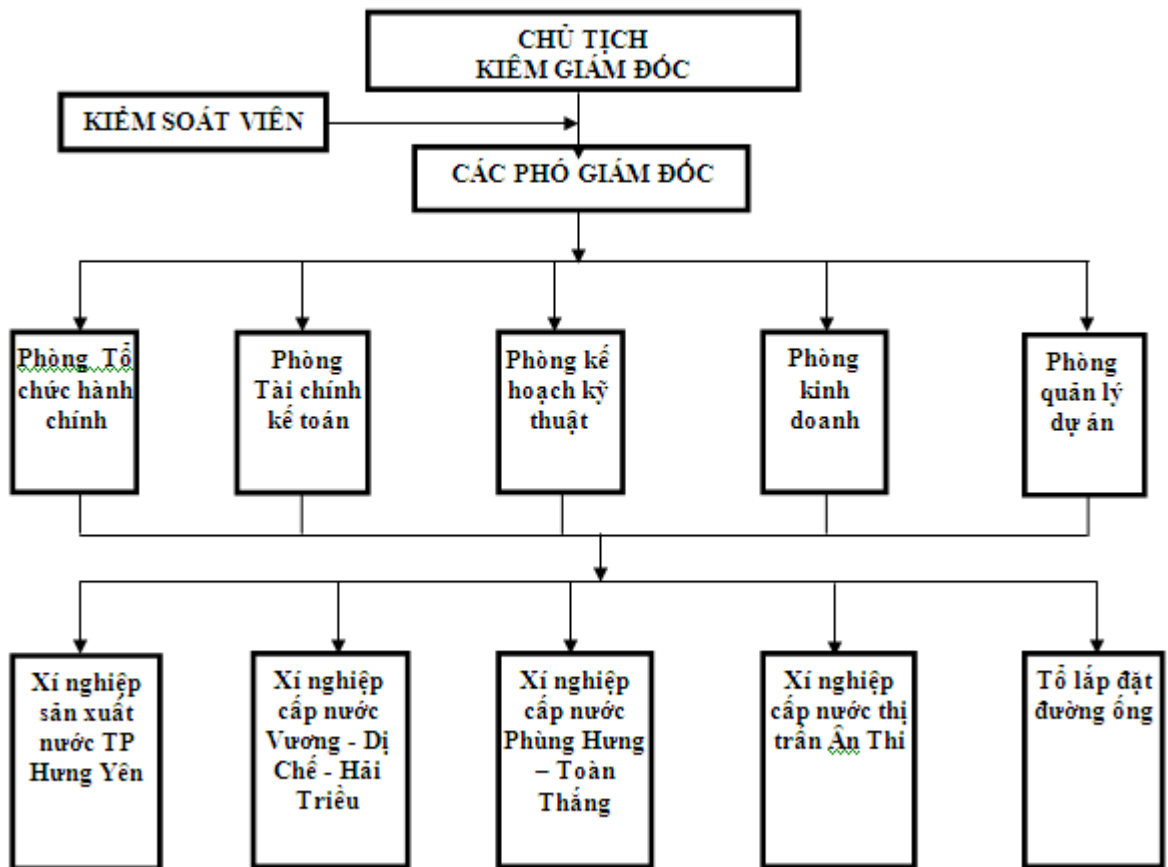
* Các tổ chức đoàn thể:

- Tổ chức Đảng: Công ty cấp nước Hưng Yên trực thuộc Đảng bộ thành phố Hưng Yên, với tổng số 31 đảng viên.

- Tổ chức Công đoàn: Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên trực thuộc Công đoàn ngành Xây dựng tỉnh Hưng Yên, với tổng số 101 đoàn viên công đoàn.

- Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên trực thuộc Thành đoàn thành phố Hưng Yên với tổng số 26 đoàn viên thanh niên

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên



Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban như sau:

❖ **Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty:**

Chủ tịch kiêm Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, do UBND tỉnh Hưng Yên (chủ sở hữu) bổ nhiệm. Giám đốc chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Hưng Yên, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

❖ **Kiểm soát viên Công ty:**

Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên.

Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu Công ty hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu Công ty báo cáo thẩm định.

Kiến nghị chủ sở hữu Công ty các giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty

❖ **Các Phó Giám đốc Công ty:**

Giúp Giám đốc giải quyết các công việc theo sự phân công và uỷ quyền, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công. Trong điều hành công việc, ngoài công việc chính được phân công cần phải tham gia, đóng góp ý kiến của mình vào công việc khác của Công ty và phải có sự phối hợp thường xuyên giữa các Phó Giám đốc để đảm bảo sự thống nhất trong điều hành công việc

❖ **Phòng tổ chức hành chính:**

Tham mưu giúp việc Giám đốc về công tác tổ chức cán bộ và bộ máy quản lý xây dựng mô hình quản lý của các đơn vị sản xuất trong Công ty phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty. Định hướng quy hoạch cán bộ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ mới.

Quản lý nhân sự, hồ sơ cán bộ CNVC theo dõi đề xuất với Giám đốc thực hiện tốt chính sách chế độ của Nhà nước đối với người lao động trong Công ty.

Thực hiện các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo quy định hiện hành.

Theo dõi và quản lý hồ sơ đất đai của Công ty và giải quyết các công việc liên quan.

Tham mưu giúp Giám đốc trong thực hiện pháp luật và chế độ chính sách của nhà nước. Tổ chức và hướng dẫn cán bộ CNVC trong Công ty thực hiện sống và làm việc theo pháp luật.

Công tác quân sự, an ninh trật tự, công tác tiếp dân, lập kế hoạch bảo hộ lao động trong toàn Công ty

❖ **Phòng Tài chính kế toán:**

Tham mưu giúp Giám đốc quản lý tài sản, tiền vốn bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, Lập báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

Cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

In hoá đơn thu tiền nước và phát hành uỷ nhiệm nhờ thu. Quản lý cưỡng hoá đơn đã phát hành và tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.

Tổ chức tiếp nhận quản lý, kiểm soát kho, bãi vật tư, cấp phát vật tư và tổng hợp báo cáo tình hình cung cấp sử dụng vật tư của toàn Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm

❖ **Phòng kế hoạch kỹ thuật:**

Tham mưu giúp việc Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật sản xuất, quản lý kỹ thuật thiết bị, máy móc, mạng đường ống, an toàn vệ sinh lao động.

Kiểm tra các mẫu nước, xác định các định mức vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất.

Kiểm định đồng hồ đo nước.

Tư vấn trong công tác lập kế hoạch chuẩn bị đầu tư, khảo sát, quy hoạch thiết kế các công trình cấp nước, tư vấn đấu thầu các công trình trong tỉnh.

Tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty: Xây dựng kế hoạch định hướng phát triển của Công ty dài hạn, trung hạn, ngắn hạn. Xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả.

Lập và theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch xây lắp của các nguồn vốn của Công ty.

Tổng hợp đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch hàng tháng, quý, năm và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp.

Nghiên cứu và xây dựng các chính sách phát triển thị trường ở trong tỉnh.

Xây dựng kế hoạch truyền thông, tuyên truyền trên phạm vi rộng tới nhân dân, phối hợp triển khai thực hiện công tác xây dựng thương hiệu, tổ chức các hoạt động cộng đồng của Công ty.

Thực hiện chức năng tư vấn lập dự án và thiết kế các công trình quy mô vừa và nhỏ ở trong và ngoài Công ty

❖ **Phòng Kinh doanh:**

Tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty nghiên cứu, tổ chức thực hiện chiến lược thị trường và định hướng khách hàng.

Quản lý theo dõi, tổng hợp phân tích khách hàng và sản lượng tiêu thụ sản phẩm nước sạch. Lập báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của toàn Công ty theo định kỳ hàng tháng, quý, năm. Thường trực giải quyết những vấn đề liên quan với khách hàng theo quy định.

Lập kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên liệu đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời phục vụ cho sản xuất kinh doanh (sản xuất và thi công xây lắp) của Công ty.

Tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty trong công tác quản lý mạng đường ống, khách hàng. Thực hiện tốt công tác quản lý chống thất thoát, thất thu nước máy

❖ **Phòng quản lý dự án:**

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư từ giai đoạn thực hiện đầu tư đến khi kết thúc đầu

tư. Đưa công trình vào khai thác sử dụng theo đúng quy định về quản lý đầu tư và XDCB của Nhà nước hiện hành

❖ **Các Xí nghiệp trực thuộc và Tổ lắp đặt:**

Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp nước, công trình xử lý chất thải, điện động lực dân dụng.

Cung ứng vật tư thiết bị công trình cấp nước.

Quản lý và thu tiền nước của các hộ tiêu thụ theo quy định.

Lắp đặt hệ thống cấp nước

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 31/12/2015 là 101 người, trong đó, Cơ cấu lao động như sau:

Bảng số 2: Danh sách lao động tại thời điểm Công bố giá trị doanh nghiệp

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	101	100
- Trên đại học	0	0
- Trình độ đại học	34	33,7
- Trình độ cao đẳng	03	3,0
- Trình độ trung cấp	09	8,9
- Công nhân kỹ thuật, trình độ khác	55	54,4
Phân theo loại hợp đồng lao động	101	100
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	06	5,94%
- Hợp đồng không xác định thời hạn	95	94,06%
- Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	00	0%
- Hợp đồng thời vụ	00	0%
Phân theo giới tính	101	100
- Nam	67	66,3
- Nữ	34	33,7

(Nguồn: Phương án lao động Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

Căn cứ đặc thù hoạt động của Công ty, thực trạng hoạt động của Công ty trước khi cổ phần hóa và phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa. Công ty dự kiến cơ cấu sắp xếp lao động sau cổ phần hóa như sau:

Bảng số 3: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	97	100
Phân theo trình độ lao động	97	100
- Trên đại học	00	00
- Trình độ đại học và tương đương	32	33,0
- Trình độ cao đẳng	03	3,1
- Trình độ trung cấp	09	9,3
- Công nhân kỹ thuật, trình độ khác	53	54,6
Phân theo loại hợp đồng lao động	97	100
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	06	6,2
- Hợp đồng lao động không thời hạn	91	93,8
Phân theo giới tính	97	100
- Nam	63	64,9
- Nữ	34	35,1

(Nguồn: Phương án lao động Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Giá trị thực tế doanh nghiệp xác định lại tại thời điểm 31/12/2015: **171.898.424.216 đồng** (bao gồm cả giá trị tài sản hạng mục công trình điện đường dây 35Kv cấp điện cho nhà máy nước thị trấn Vương – Dị Chế - Hải Triều)

Trong đó:

- Nợ phải trả : **115.233.163.269 đồng**
- Nguồn kinh phí sự nghiệp : 00 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp : **56.665.260.947 đồng**

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Bảng số 4: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG	170.189.655.402	171.898.424.216	1.708.768.814

I. Tài sản dài hạn	135.870.939.287	137.579.708.101	1.708.768.814
1. Các khoản phải thu dài hạn	792.415.512	792.415.512	-
2. Tài sản cố định	86.253.281.261	87.874.872.426	1.621.591.165
- TSCĐ hữu hình	78.485.151.078	80.106.742.243	1.621.591.165
<i>Nhà, vật kiến trúc</i>	27.941.471.439	28.674.680.507	733.209.068
<i>Máy móc thiết bị</i>	50.543.679.639	51.110.581.736	566.902.097
<i>Phương tiện vận tải</i>	-	321.480.000	321.480.000
- TSCĐ vô hình	7.768.130.183	7.768.130.183	-
3. Tài sản dở dang dài hạn	48.580.427.702	48.580.427.702	-
4. Tài sản dài hạn khác	244.814.812	331.992.461	87.177.649
II. Tài sản ngắn hạn	34.318.716.115	34.318.716.115	-
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	12.818.316.012	12.818.316.012	-
- Tiền mặt tồn quỹ	197.064.445	197.064.445	-
- Tiền gửi ngân hàng	388.689.438	388.689.438	-
- Các khoản tương đương tiền	12.232.562.129	12.232.562.129	-
2. Các khoản phải thu	19.825.593.987	19.825.593.987	-
3. Hàng tồn kho	1.674.806.116	1.674.806.116	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
VI. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B.TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	2.083.174.175	2.083.174.175	-
I. Tài sản dài hạn	56.594.013	56.594.013	-
- Nhà, vật kiến trúc	56.594.013	56.594.013	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	2.026.580.162	2.026.580.162	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.026.580.162	2.026.580.162	-

C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, QUỸ PHÚC LỢI	-	-	-
E. TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D) Trong đó:	172.272.829.577	173.981.598.391	1.708.768.814
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	170.189.655.402	171.898.424.216	1.708.768.814
E1. Nợ thực tế phải trả	114.968.139.909	115.233.163.269	265.023.360
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
G. TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	55.221.515.493	56.665.260.947	1.443.745.454

(Nguồn: Phụ lục kèm theo Quyết định 2436/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

7.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Theo số liệu trên sổ kế toán, đến thời điểm 31/12/2015, Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Hưng Yên còn nợ thực tế phải trả là 115.233.163.269 đồng.

Tài sản không cần dùng của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là **2.083.174.175** đồng và các khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Tình hình đất đai

Bảng số 5: Thống kê đất đai của Công ty tính đến thời điểm hiện tại

TT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Đề nghị phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	
				Phương án sử dụng đất	Hình thức thuê/ giao đất
I	Nhà máy nước số II, thành phố Hưng Yên, công suất 5.000 m³/ngđêm				
1	Khu xử lý nước Nhà máy nước số 2, thành phố Hưng Yên, công suất 5.000 m ³ /ngày đêm tại số 3 đường Tô Hiệu, Phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	12.279,2	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 109188 và số CC 109189; - Hợp đồng thuê đất số 275/HĐ-TĐ ngày 17/12/2015, thời gian thuê từ ngày 27/5/1998 đến ngày 27/5/2048 (Đất thuê 50 năm)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trụ sở văn phòng Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên; Xây dựng trạm bơm, bể chứa, bể lắng lọc, nhà hóa chất, nhà kho, sân phơi bùn... Nhà máy nước số 2, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Thuê đất của Nhà nước (thời hạn 50 năm), trả tiền thuê đất hàng năm. Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại điều 1, Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ
2	Trạm bơm khai thác nước thô tại xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ	37,5	- Quyết định số 1393/1998/QĐ-UB ngày 31/7/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để xây dựng trạm bơm khai thác nước tại các xã Thủ Sỹ -Tân Hưng-huyện Tiên Lữ; - Trích lục bản đồ địa chính: Số hiệu thửa đất 03, Tờ bản đồ địa chính 28, tỷ lệ 1/1000, xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 21/9/2015 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô H3 (giếng số 1)	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền thuê đất hàng năm

		77,4	- Quyết định số 1393/1998/QĐ-UB ngày 31/7/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để xây dựng trạm bơm khai thác nước tại các xã Thủ Sỹ - Tân Hưng- huyện Tiên Lữ; - Trích lục bản đồ địa chính: Số hiệu thửa đất 406, Tờ bản đồ địa chính 08, tỷ lệ 1/2000, xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 21/9/2015 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô H8.2 (giếng số 2)	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
		48,0	Biên bản thống nhất ngày 04/04/2014 (đang làm thủ tục xin cấp quyết định giao đất của UBND tỉnh Hưng Yên)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô 1A	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
		16,5	Biên bản thống nhất ngày 25/9/2014 (đang làm thủ tục xin cấp quyết định giao đất của UBND tỉnh Hưng Yên)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô 2A	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
3	Trạm bơm khai thác nước thô tại xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	37,50	- Quyết định số 1393/1998/QĐ-UB ngày 31/7/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để xây dựng trạm bơm khai thác nước tại các xã Thủ Sỹ - Tân Hưng- huyện Tiên Lữ; - Trích lục bản đồ địa chính: Số hiệu thửa đất 32, Tờ bản đồ địa chính 17, tỷ lệ 1/1000, xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 21/9/2015 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô H11B (giếng số 3)	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm

		77,40	- Quyết định số 1393/1998/QĐ-UB ngày 31/7/1998 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để xây dựng trạm bơm khai thác nước tại các xã Thủ Sỹ - Tân Hưng- huyện Tiên Lữ; - Trích lục bản đồ địa chính: Số hiệu thửa đất 70, Tờ bản đồ địa chính 25, tỷ lệ 1/1000, xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 21/9/2015 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô H11(giếng số 4)	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
4	Đường ống dẫn nước thô, công thoát nước và đường điện cao thế 35Kv cấp cho Nhà máy nước số 2, TP Hưng Yên, công suất 5.000m ³ /ngđêm tại xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	770	- Quyết định số 91/QĐ-UB ngày 21/1/1999 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất để đặt ống dẫn nước và đường điện cao thế vào khu xử lý nước Nhà máy nước 5.000m ³ /ng.đ tại xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ; - Trích lục bản đồ địa chính: Số 06, tỷ lệ 1/2000, xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, lập ngày 19/12/1998 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng để đặt đường ống nước thô, công thoát nước và đường điện cao thế 35Kv cấp cho Nhà máy nước 5.000m ³ /ngđêm	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền thuê đất hàng năm
II	Nhà máy cấp nước thị trấn Vương và các xã Dị Ché, Hải Triều, huyện Tiên Lữ				
1	Xây dựng Trạm bơm cấp nước thị trấn Vương và các xã Dị Ché, Hải Triều, huyện Tiên Lữ tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	1.008	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 036499 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm văn phòng Nhà máy, bể chứa, trạm bơm cấp nước,...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền thuê đất hàng năm

III Nhà máy cấp nước thị Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên					
1	Khu xử lý nước Nhà máy cấp nước thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2.160,00	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 453838(Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm văn phòng Nhà máy, trạm bơm, khu xử lý nước, bể lọc, bể chứa, nhà kho, sân phơi bùn,...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
2	Trạm bơm khai thác nước thô tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	60,00	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 453841 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô số 1	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
3	Trạm bơm khai thác nước thô tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	60,00	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 453839 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô số 2	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
IV Nhà máy cấp nước thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên					
1	Khu xử lý Nhà máy cấp nước thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tại xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	15.958	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 047594 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm văn phòng Nhà máy, hồ sơ lắng, trạm bơm, bể lọc, bể chứa, nhà kho, nhà hóa chất,...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
2	Trạm bơm khai thác nước tại xã Chí Tân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	60	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 047593 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô Sông Hồng	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
V Nhà máy cấp nước thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên					

1	Trạm bơm cấp nước thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên tại xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	1.344	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 047592 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại sử dụng làm văn phòng Nhà máy, nhà kho,... và dự kiến sau này sẽ xây dựng thêm bể chứa nước sạch, trạm bơm cấp nước, ...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
VI	Nhà máy nước 10.000 m³/ngày đêm thành phố Hưng Yên				
1	Khu xử lý nước trạm cấp nước 10.000 m ³ /ngày đêm tại xã Phương Chiểu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	56.271	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 561008 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm văn phòng Nhà máy, hồ sơ lắng, bể lắng lọc, bể chứa nước sạch, sân phơi bùn, nhà hóa chất, nhà kho,...	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
2	Trạm bơm khai thác nước thô tại xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	900	- Đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 561007 (Đất giao)	Đề nghị được giữ lại tiếp tục sử dụng làm trạm bơm khai thác nước thô Sông Hồng	Thuê đất (thời hạn 50 năm) và miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm
	TỔNG CỘNG	91.164,5			

(Nguồn: Hồ sơ xác định Giá trị doanh nghiệp của Công ty)

✚ Tài sản cố định

Bảng số 6: Tài sản cố định tại thời điểm ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	108.852.321.839	86.253.281.261	109.564.778.981	87.874.872.426
I	Tài sản cố định hữu hình	99.493.969.593	78.485.151.078	100.206.426.735	80.106.742.243
1	Nhà, vật kiến trúc	33.266.346.231	27.941.471.439	33.942.484.282	28.674.680.507
2	Máy móc thiết bị	65.699.942.453	50.543.679.639	65.699.942.453	51.110.581.736
3	Phương tiện vận tải	527.680.909	-	564.000.000	321.480.000
II	Tài sản cố định vô hình	9.358.352.246	7.768.130.183	9.358.352.246	7.768.130.183
B	TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG	170.279.327	56.594.013	170.279.327	56.594.013
1	Nhà, vật kiến trúc	170.279.327	56.594.013	170.279.327	56.594.013
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	-	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (A+B+C+D)		109.022.601.166	86.309.875.274	109.735.058.308	87.931.466.439

(Nguồn: Hồ sơ xác định Giá trị doanh nghiệp của Công ty)

✚ Máy móc thiết bị

Bảng số 7: Thống kê máy móc thiết bị, PTVT tại thời điểm ngày 31/12/2015


Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	527.680.909	-	564.000.000	321.480.000
I	Văn phòng Công ty	527.680.909	-	564.000.000	321.480.000
1	Xe ô tô TOYOTA COROLLA ALTIS Biển	527.680.909	-	564.000.000	321.480.000

	kiểm soát 89K- 5471				
B	MÁY MÓC THIẾT BỊ	65.699.942.453	50.543.679.639	65.699.942.453	51.110.581.736
I	NHÀ MÁY NƯỚC SỐ II THÀNH PHỐ	21.272.491.964	12.263.962.336	21.272.491.964	12.714.168.849
1	TSCĐ Nhà máy nước số I chuyển nhà máy nước số II sử dụng	2.522.303.891	1.065.589.765	2.522.303.891	1.065.589.765
2	Nhà máy nước số II	18.750.188.073	11.198.372.571	18.750.188.073	11.648.579.084
a	Máy móc thiết bị XDCB chuyển sang	309.915.640	-	309.915.640	61.983.128
b	Máy móc Thiết bị mua bổ sung	2.151.981.325	1.199.081.573	2.151.981.325	1.406.404.683
c	Phương tiện vận tải truyền dẫn	16.288.291.108	9.999.290.998	16.288.291.108	10.180.191.273
II	XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC THỊ TRẤN VƯƠNG	12.545.579.597	7.903.753.589	12.545.579.597	8.020.449.173
1	Máy móc thiết bị	324.930.503	35.434.025	324.930.503	97.479.151
2	Phương tiện vận tải truyền dẫn	12.165.526.055	7.859.318.534	12.165.526.055	7.911.945.414
3	Tài sản cố định khác	55.123.039	9.001.030	55.123.039	11.024.608
III	NHÀ MÁY NƯỚC PHÙNG HƯNG	17.229.436.096	16.077.797.728	17.229.436.096	16.077.797.728
1	Máy móc thiết bị	1.530.775.519	1.377.698.035	1.530.775.519	1.377.698.035
2	Phương tiện vận tải truyền dẫn	15.698.660.577	14.700.099.693	15.698.660.577	14.700.099.693
IV	NHÀ MÁY SẢN XUẤT NƯỚC THỊ TRẤN AN THI	8.065.494.806	8.065.494.806	8.065.494.806	8.065.494.806
1	Máy móc thiết bị	152.353.700	152.353.700	152.353.700	152.353.700
2	Phương tiện vận tải truyền dẫn	7.689.021.206	7.689.021.206	7.689.021.206	7.689.021.206
3	Tài sản cố định khác	224.119.900	224.119.900	224.119.900	224.119.900
V	NHÀ MÁY NƯỚC TOÀN THẮNG	6.586.939.990	6.232.671.180	6.586.939.990	6.232.671.180
1	Phương tiện vận tải truyền	6.531.409.990	6.189.481.180	6.531.409.990	6.189.481.180

	dẫn				
2	Thiết bị dụng cụ quản lý	55.530.000	43.190.000	55.530.000	43.190.000
	Tổng cộng (I+II)	66.227.623.362	50.543.679.639	66.263.942.453	51.432.061.736

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty)

 Nhà cửa, vật kiến trúc.

Bảng số 8: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Kiểm kê thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	6	8	10	(12)=(10)x(11)
I	Nhà máy nước số II	7.972.421.824	4.681.248.343	8.269.955.075	4.961.627.191
1	Nhà quản lý trạm cấp nước số II	1.128.397.255	682.179.705	1.128.397.255	699.606.298
2	Cổng hàng rào khu xử lý	152.797.260	43.750.441	152.797.260	45.839.178
3	Cải tạo cổng hàng rào nhà bảo vệ	117.825.145	9.617.845	117.825.145	35.347.544
4	Giếng khai thác nước giếng H3	137.303.656	41.888.517	137.303.656	41.888.517
5	Giếng khai thác nước giếng H8-2	137.303.656	41.888.517	137.303.656	41.888.517
6	Giếng khai thác nước giếng H11B	137.303.657	41.887.518	137.303.657	41.887.518
7	Đường nội bộ khu xử lý	372.439.099	104.530.698	372.439.099	111.731.730
8	Trạm bơm giếng H8-2	57.543.298	25.661.405	66.362.830	30.526.902
9	Trạm bơm giếng H3	39.051.169	17.414.948	39.051.169	17.963.538
10	Trạm bơm giếng H11	26.737.029	11.923.375	29.714.700	13.371.615
11	Trạm bơm giếng H11B	38.745.321	17.278.430	38.745.321	17.435.394
12	Bể lắng đứng	93.740.184	27.373.751	106.719.536	32.015.861
13	Bể lắng đứng	93.740.185	27.373.751	106.719.536	32.015.861
14	Bể lọc	494.961.850	144.537.164	494.961.850	148.488.555

15	Bể chứa số I	280.799.603	81.998.145	288.400.000	86.520.000
16	Bể chứa số 2	280.799.603	81.998.145	288.400.000	86.520.000
17	Trạm bơm II	282.372.378	128.166.787	282.372.378	129.891.294
18	Nhà Clo	59.117.398	26.833.059	89.114.340	33.863.449
19	Bể chứa bùn	205.381.374	59.974.892	205.381.374	61.614.412
20	Bể lắng bùn	188.080.409	54.922.665	188.080.409	56.424.123
21	Sân phơi bùn	87.034.928	6.512.589	87.034.928	26.110.478
22	Nhà pha phèn - Hoá chất	36.399.840	16.521.470	82.509.570	31.353.637
23	Nhà kho	121.758.037	55.265.003	246.429.216	113.357.439
24	Ga ra để xe cho CBCNV và cửa tự động bằng hợp kim nhôm	208.717.700	144.025.531	208.717.700	148.189.567
25	Nhà bảo vệ	111.506.000	76.944.650	111.506.000	78.054.200
26	Nhà vệ sinh	220.642.200	18.010.400	220.642.200	77.224.770
27	Nhà kho chứa vật tư, thiết bị	186.970.300	122.579.687	230.769.000	152.307.540
28	Giếng khai thác nước 1A	1.023.194.200	980.561.110	1.023.194.200	980.561.110
29	Giếng khai thác nước 2A	1.243.889.490	1.195.354.193	1.243.889.490	1.195.354.193
30	Nhà trạm bơm giếng 1A	241.967.200	233.901.632	241.967.200	233.901.632
31	Nhà trạm bơm giếng 2A	165.902.400	160.372.320	165.902.400	160.372.320
II	Nhà máy sản xuất nước Phùng Hưng	16.224.123.696	15.234.270.624	16.224.123.696	15.234.270.624
1	Cung cấp vật tư và lắp đặt Trạm bơm nước thô và công trình thu (bao gồm cả hệ thống đường ống dẫn nước, van khoá phụ tùng, điện điều khiển, chiếu sáng ..) và đường vào trạm bơm nước thô từ đê quai.	1.859.767.380	1.766.779.020	1.859.767.380	1.766.779.020

2	Cung cấp vật tư và thi công Cổng, tường rào, sân đường nội bộ khu xử lý, hệ thống điện chiếu sáng, điện động lực, đường ống kỹ thuật, thoát nước, nhà bảo vệ.	3.033.227.836	2.799.902.620	3.033.227.836	2.799.902.620
3	2Hồ sơ lắng (31x16x3m), 1 bể trộn (3x3x4m), 1 trạm bơm trung chuyển (3x3,5x6,5m), cụm xử lý lắng lọc (bể lắng đứng 2 bể KT 1 bể: 7,7x7,7x10,35m, 3 bể lọc nhanh KT1 bể: 3,1x3,1x5,6m) và hệ thống đường ống công nghệ bao gồm cả van khoá và thiết bị.	8.008.069.819	7.537.006.891	8.008.069.819	7.537.006.891
4	Cung cấp vật tư và thi công Bể chứa nước sạch 500 m ³ . (bao gồm cả hệ thống đường ống dẫn nước và phụ kiện kèm theo.	850.669.274	800.629.910	850.669.274	800.629.910
5	Trạm bơm nước sạch: (bao gồm cả hệ thống đường ống dẫn nước và hệ thống van, phụ kiện, thiết bị, hệ thống thiết bị biến tần kèm theo)	1.369.231.233	1.300.769.673	1.369.231.233	1.300.769.673
6	Nhà hoá chất, khử trùng: (Bao gồm cả hệ thống đường ống dẫn nước và hệ thống van, phụ kiện, thiết bị và vật tư kèm theo..)	328.731.078	312.294.534	328.731.078	312.294.534
7	Sân phơi bùn: (Bao gồm cả hệ thống dẫn nước, hệ thống van và phụ kiện kèm theo).	221.350.253	199.215.233	221.350.253	199.215.233
8	Sân phơi bùn: (Bao gồm cả hệ thống dẫn nước, hệ thống van và phụ kiện kèm theo).	221.350.254	199.215.234	221.350.254	199.215.234
9	Nhà quản lý	331.726.569	318.457.509	331.726.569	318.457.509
III	Nhà máy nước Toàn				

	Thắng	867.445.365	823.682.669	867.445.365	823.682.669
1	Nhà điều hành	315.969.000	307.543.160	315.969.000	307.543.160
2	Nhà kho	116.295.000	113.193.800	116.295.000	113.193.800
3	Đường vào, kè chắn đất, công tường rào, sân đường nội bộ, hệ thống đường ống kỹ thuật thoát nước ...	435.181.365	402.945.709	435.181.365	402.945.709
IV	Nhà máy sản xuất nước Ân Thi	6.636.562.147	6.636.562.147	6.636.562.147	6.636.562.147
1	Giếng khoan khai thác nước	213.877.582	213.877.582	213.877.582	213.877.582
2	Xây dựng trạm bơm giếng, đường vào trạm bơm giếng, thổi rửa giếng khoan, kiểm tra kết cấu giếng khoan, cung cấp và lắp đặt đường ống kỹ thuật, tủ điều khiển, cáp điện, điện chiếu sáng, các thiết bị điều khiển ...	483.686.229	483.686.229	483.686.229	483.686.229
3	Xây dựng trạm xử lý nước ngầm: Bao gồm: Tháp làm thoáng cao tải, bể tiếp xúc, bể lọc sắt	1.222.911.991	1.222.911.991	1.222.911.991	1.222.911.991
4	Bể chứa nước sạch 350m ³ (bao gồm cả hệ thống dẫn nước và phụ kiện kèm theo).	747.600.239	747.600.239	747.600.239	747.600.239
5	Trạm bơm nước sạch: (bao gồm cả hệ thống đường ống dẫn nước, hệ thống van, phụ kiện, và thiết bị biến tần kèm theo)	835.595.017	835.595.017	835.595.017	835.595.017
6	Nhà hoá chất: (Bao gồm cả hệ thống đường ống dẫn nước, tủ điện và các phụ kiện kèm theo)	515.745.906	515.745.906	515.745.906	515.745.906
7	Sân phơi bùn: (Bao gồm cả hệ thống dẫn nước và phụ kiện kèm theo).	267.392.964	267.392.964	267.392.964	267.392.964
8	Nhà hành chính	509.447.991	509.447.991	509.447.991	509.447.991

9	Các công trình phụ trợ: Bao gồm: Nhà kho xưởng, Nhà bảo vệ; Sân đường nội bộ, Vĩa hè; Nhà vệ sinh; Cổng tường rào; Hệ thống đường ống kỹ thuật; Hệ thống thoát nước bên trong; Hệ thống thoát nước bên ngoài nhà máy, Đường vào nhà máy	1.840.304.228	1.840.304.228	1.840.304.228	1.840.304.228
V	Xí nghiệp cấp nước Thị trấn Vương	1.565.793.199	565.707.656	1.565.793.199	753.514.516
1	Bể chứa 300 m ³	377.099.120	155.724.806	377.099.120	169.694.604
2	Trạm bơm nước sạch 57 m ² , (Bao gồm cả hệ thống đường ống dẫn nước, hệ thống van và phụ kiện kèm theo)	359.113.285	221.931.081	359.113.285	229.832.502
3	Nhà điều hành	300.323.347	185.599.071	300.323.347	195.210.176
4	Cổng tường rào, hệ thống cấp điện nội bộ, hệ thống cấp nước sân vườn, chiếu sáng công trình đầu nổi	322.182.797	2.452.698	322.182.797	96.654.839
5	Đường vào khu trạm bơm tăng áp	207.074.650	-	207.074.650	62.122.395
VI	Công trình khác	-	-	378.604.800	265.023.360
1	Nhà ăn ca do cán bộ công nhân viên đóng góp		-	378.604.800	265.023.360
	TỔNG CỘNG	33.266.346.231	27.941.471.439	33.942.484.282	28.674.680.507

(Nguồn: Hồ sơ xác định Giá trị doanh nghiệp của Công ty)

9. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con

Công ty mẹ:

Không có.

Công ty con:

Không có.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua đạt được những kết quả khả quan, có sự biến động doanh thu qua các năm:

Bảng số 9: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng đầu năm 2016

TT	Doanh thu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (Tr. đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
I	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.862	100	14.581	100	19.718	100	12.119	100
1	<i>Doanh thu về cung cấp nước sạch</i>	10.855	84,4	11.969	82,1	15.193	77,1	8.284	68,4
2	<i>Doanh thu từ hoạt động lắp đặt</i>	2.007	15,6	2.613	17,9	4.525	22,9	3.835	31,6
II	Doanh thu từ hoạt động tài chính	713	5,5	615	4,2	424	2,2	225	1,9
III	Thu nhập khác	57	0,4	61	0,4	290	1,5	43	0,4
Tổng cộng		13.632	106	15.257	104,6	20.432	103,6	12.387	102,2

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, BCTC tự lập 6 tháng năm 2016 của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên.)

Đặc thù hoạt động của công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, do đó, nguồn doanh thu chủ yếu của Công ty từ hoạt động cung cấp nước sạch, chiếm bình quân trên 80% Doanh thu thuần của Công ty, tiếp đến là doanh thu từ hoạt động lắp đặt chiếm bình quân 19% doanh thu thuần của Công ty. Doanh thu từ hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác phát sinh bất thường, không đóng góp nhiều trong hoạt động của Công ty.

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đang trên đà phát triển ổn định, thể hiện ở tổng doanh thu tăng đều từ khoảng 13 tỷ đồng năm 2013 lên trên 15 tỷ đồng năm 2014 và đạt hơn 20 tỷ đồng năm 2015. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2016, tổng doanh thu đạt hơn 12 tỷ đồng, bằng 60% cả năm 2015. Doanh thu tăng trưởng đều qua các năm đối với hoạt động cung cấp nước sạch và hoạt động thi công, lắp đặt từ năm 2013 đến 6 tháng đầu năm 2016 cho thấy nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng, tạo tiền đề cho sự phát triển của ngành nước nói chung và của Công ty nói riêng trong các giai đoạn tới. Giá bán nước sạch của Công ty vẫn chưa được điều chỉnh, hiện đang áp dụng theo Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 15/4/2010 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định giá bán nước sạch tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên kể từ ngày 01/4/2010, cho đến thời điểm hiện tại đã áp dụng được 6 năm và chưa có văn

bán điều chỉnh giá bán nước. Do đó, việc tăng doanh thu thuần của Công ty chủ yếu là do nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân tăng cao dẫn đến khối lượng nước sạch cung cấp tăng, tăng doanh thu của Công ty.

Bảng số 10: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng 2016

TT	Cơ cấu chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT
I	Giá vốn hàng bán	8.420	65,5	9.897	67,9	13.340	67,7	8.716	71,9
1	Từ hoạt động cung cấp nước sạch	6.643	51,6	7.558	51,8	10.102	51,2	5.349	44,1
2	Từ hoạt động lắp đặt	1.777	13,8	2.339	16,0	3.238	16,4	3.367	27,8
II	Chi phí bán hàng	2.378	18,5	2.604	17,9	3.842	19,5	2.165	17,9
III	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.706	21,0	2.581	17,7	2.522	12,8	1.276	10,5
IV	Chi phí tài chính	35	0,3	137	0,9	278	1,4	223	1,8
V	Chi phí khác	29	0,2	10	0,1	37	0,2	2	0,02
Tổng cộng chi phí		13.568	105,5	15.229	104,4	20.019	101,5	12.382	102,2
Doanh thu thuần		12.862	100	14.581	100	19.718	100	12.119	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, BCTC tự lập 6 tháng năm 2016 của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

Cơ cấu chi phí của Công ty có sự biến động qua các năm, trong đó Giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, luôn ở mức 65-67% so với doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm đáng kể qua các năm, từ 21% so với doanh thu thuần ở năm 2013 đến năm 2015 đã giảm còn 12,8% so với doanh thu thuần, chứng tỏ công ty đã thành công trong việc cải thiện bộ máy quản lý doanh nghiệp của mình, giảm thiểu được chi phí, từ đó làm tăng lợi nhuận cho công ty.

Bảng số 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng 2016

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT
I	Tổng lợi nhuận gộp	4.442	34,5	4.684	32,1	6.378	32,3	3.403	28,1
1	Lợi nhuận gộp từ hoạt động cung cấp nước sạch	4.212	32,7	4.411	30,2	5.091	25,8	2.936	24,2
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động lắp đặt	230	1,8	274	1,9	1.287	6,5	468	3,9
II	Doanh thu thuần	12.862	100	14.581	100	19.718	100	12.119	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, BCTC tự lập 6 tháng năm 2016 của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

Nguyên vật liệu:

Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên là một đơn vị có truyền thống lâu năm trong lĩnh vực cấp nước. Nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty là khai thác nước từ sông tự nhiên và nguồn nước ngầm dưới đất. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu khác như điện, phèn, clo, vôi,... và các vật liệu phụ khác để xử lý nước trước khi cung cấp nước sạch cho người tiêu thụ. Bên cạnh đó, để phát triển mạng lưới đường ống đến người dân có nhu cầu tiêu thụ nước sạch, Công ty cần những vật liệu khác như: ống nước, đồng hồ đo nước, van, tê, cút...

Do nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty được khai thác từ tự nhiên nên tương đối ổn định. Tuy nhiên, nguồn nước đầu vào còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như nồng độ các chất có trong nước, độ mặn cần phải xử lý, lưu lượng nước sông trước tình hình khí hậu hàng năm.

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong khi đó, khung giá tiêu thụ nước sạch bán cho người dân do UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt. Vì vậy, khi chi phí nguyên vật liệu tăng mà UBND tỉnh Hưng Yên chưa kịp thời điều chỉnh giá bán nước tương ứng thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng lớn. Do nhận biết được vấn đề này, Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

Trình độ công nghệ:

Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên trong những năm qua không những duy trì hoạt động ổn định, duy trì cấp nước và đã có một số thành công bước đầu trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ mới, đưa công tác quản lý lên mức độ quản lý cao hơn.

Công tác vận hành sản xuất được tối ưu hóa. Trong những năm vừa qua công tác chống thất thu, thất thoát được Công ty đặc biệt quan tâm, công tác kiểm tra rò rỉ trên mạng lưới, các điểm gãy vỡ ống gây rò rỉ được phát hiện và xử lý kịp thời, nhiều biện pháp chống thất thu thất thoát được triển khai thực hiện: Phân vùng tách mạng; lắp đặt đồng hồ tổng phân mạng theo từng tuyến, từng khu vực để điều tiết áp lực... đã giảm đáng kể tỷ lệ thất thoát nâng cao tuổi thọ của thiết bị, đường ống.

✚ Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Để đảm bảo chất lượng các dịch vụ của mình, Công ty giao trách nhiệm cho Phòng kế hoạch kỹ thuật tổ chức kiểm tra, xét nghiệm mẫu nước đảm bảo theo quy định, đồng thời hàng ngày thường xuyên giám sát chất lượng nước sạch; tổ chức kiểm định đồng hồ đo đếm nước sạch của Công ty theo đúng tiêu chuẩn đo lường.

Công ty thực hiện xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý, quy trình giải quyết công việc một cách khoa học; từng bước cải tiến phương pháp làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, công nhân viên, phòng, ban, đơn vị giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả; đơn giản hóa quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc của Công ty.

✚ Hoạt động Marketing

Do đặc thù sản phẩm, mục tiêu sản xuất kinh doanh, hoạt động Marketing của Công ty đang từng bước được chú trọng và đẩy mạnh. Về cơ bản, Công ty không có bộ phận chuyên triển khai hoạt động Marketing. Hiện nay, Công ty chỉ giới thiệu sản phẩm và hoạt động của mình qua bộ phận thu tiền nước, một số phương tiện thông tin đại chúng như đài truyền thanh, một số tờ báo địa phương.

✚ Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty chưa sử dụng logo để đăng ký bản quyền để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

✚ Các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng số 12: Một số hợp đồng mua bán nước sạch lớn của Công ty đang thực hiện giai đoạn 2013-2015

TT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên	2685	Nước sạch	Không thời hạn	Theo nhu cầu nước hàng tháng
2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	2682			
3	Công an trại giam tỉnh Hưng Yên	2667			
4	Công an PCCC tỉnh Hưng Yên	2782			
5	Công an tỉnh Hưng Yên	5.253			
6	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên	2747			
7	Khu tập thể Công an tỉnh Hưng Yên	2781			
8	Ban quản lý nhà ở sinh viên	5022			

9	Tổng Công ty may Hưng Yên	4824B			
---	---------------------------	-------	--	--	--

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Hưng Yên)

10.2 Dự án, công trình Công ty làm chủ đầu tư đang triển khai

- Tên Công trình : Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước TP Hưng Yên, nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan, công suất 10.000 m³/ngày đêm
- Tổng mức đầu tư : 185.346 (triệu đồng)
- Thời gian thực hiện : Dự án hiện đang tạm dừng thi công và chờ ý kiến của Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam và các Bộ, ngành hữu quan...

TÓM TẮT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN HỆ THỐNG CẤP NƯỚC THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, CÔNG SUẤT 10.000 M³/NG.ĐÊM, NGUỒN VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI ODA PHẦN LAN

10.2.1. Thông tin chung.

Dự án Hệ thống cấp nước thành phố Hưng Yên, nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan do Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên làm Chủ đầu tư. Nhà thầu chính là Tập đoàn Bafo Phần Lan (viết tắt là Nhà thầu) thực hiện toàn bộ việc thiết kế chi tiết, tổ chức thi công, cung cấp vật tư, thiết bị, lắp đặt và đào tạo chuyên gia Dự án. Sau khi trúng thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu đã ký hợp đồng thực hiện Dự án số HY-WP-01 ngày 01/7/2009. Hợp đồng trên đã được UBND tỉnh phê chuẩn ngày 20/7/2009, có hiệu lực từ ngày 05/12/2009, thời gian thực hiện hợp đồng là 18 tháng, tổng giá trị hợp đồng: 5.951.811 EURO.

10.2.2 Kết quả thực hiện dự án.

a. Tiến độ thực hiện:

Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu 20% giá trị hợp đồng, tương đương 1.166.513 EURO. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhà thầu không tập trung nguồn lực để thực hiện Dự án, không cung cấp vật tư, máy móc, thiết bị có xuất xứ theo danh mục hợp đồng đã ký; chưa tuân thủ quy trình thanh toán hàng hóa nhập khẩu theo các điều khoản của hợp đồng, dẫn đến tiến độ thi công lắp đặt thiết bị công trình quá chậm nhiều so với kế hoạch. Hợp đồng đã được gia hạn 03 lần (lần 1 đến ngày 29/02/2012; lần 2 đến ngày 31/5/2012; lần 3 đến ngày 15/5/2013). Đến nay hợp đồng đã hết hiệu lực, thi công mới đạt khoảng 42% khối lượng theo hợp đồng.

b. Về giải ngân của Chủ đầu tư:

b1. Phần vốn đã giải ngân của Dự án: 2.533.997,2 EURO tương đương 65.905.369.000 đồng. Bao gồm:

- Thanh toán vốn ODA lũy kế đến lần 3 là: 1.981.592,18 EURO tương đương 51.538.165.000 đồng. Trong đó:

+ Thanh toán trả nhà thầu là: 1.862.696,65 EURO (gồm giá trị khối lượng hoàn thành đến lần 3 và phần tạm ứng cho nhà thầu còn lại);

+ Thanh toán phí bảo hiểm finvera 6% vốn vay cho các đợt đã thanh toán là 118.895,53 EURO;

- Thanh toán vốn đối ứng trong nước là : 14.367.204.000 đồng. Trong đó:

+ Thanh toán tiền thuế TNDN, thuế GTGT cho nhà thầu là: 3.502.962.000 đồng;

+ Thanh toán chi phí lãi vay, phí cho vay trả NHPT Hưng Yên là: 4.866.336.000 đồng;

+ Thanh toán chi phí tư vấn, QLDA, GPMB và chi phí khác là: 5.997.906.000 đồng

b2. Tạm tính giá trị khối lượng hoàn thành giữa kỳ lần 4 và lần 5 của nhà thầu: Do nhà thầu chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán lần 4 và lần 5 thì đã hết thời gian thực hiện hợp đồng (ngày 15/5/2013). Nên chủ đầu tư chưa thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu được.

- Chủ đầu tư tạm tính giá trị khối lượng hoàn thành giữa kỳ lần 4 (Gồm giá trị khối lượng nhập khẩu lô hàng số 1 là ống gang dẻo và phụ kiện và một phần giá trị khối lượng công việc xây dựng) là: 898.800 EURO (có phụ lục số KN-KDNS -02 bảng tạm tính giá trị KLHT giữa kỳ lần 4 kèm theo);

- Chủ đầu tư tạm tính giá trị khối lượng hoàn thành giữa kỳ lần 5 là: 100.718 EURO (có phụ lục số KN-KDNS -03 bảng tạm tính giá trị KLHT giữa kỳ lần 5 kèm theo);

Như vậy tổng giá trị khối lượng hoàn thành giữa kỳ lần 4, lần 5 chủ đầu tư tạm tính là: 999.518 EURO.

10.2.3. Khó khăn vướng mắc và giải pháp tháo gỡ.

a. Một số vướng mắc chính trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện Dự án đã phát sinh một số vướng mắc, tồn đọng trong thời gian dài không giải quyết được, nguyên nhân chủ yếu do năng lực nhà thầu yếu kém; nhà thầu đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung quan trọng của hợp đồng đã ký, cụ thể:

- Nhà thầu tỏ gia hạn chế về năng lực tài chính và năng lực kinh nghiệm, dẫn đến tiến độ thực hiện hợp đồng quá chậm, mang tính chất chây ì. Nhà thầu đã đề nghị thay đổi hầu hết xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị theo danh mục của hợp đồng đã ký mà không đưa ra được lý do chính đáng cho việc thay đổi, việc thay đổi xuất xứ trên không đi kèm thay đổi giá tương ứng mà đòi tính theo giá dự thầu ban đầu; mặt khác việc thay đổi trên ảnh hưởng nhiều tới tỉ lệ hàng hóa và dịch vụ xuất xứ từ Phần Lan theo quy định.

- Nhà thầu không tuân thủ quy trình thanh toán hàng hóa nhập khẩu. Trong khi hợp đồng quy định thanh toán 70% giá trị hàng hóa có khấu trừ tiền tạm ứng và tiền giữ lại bảo hành 5% khi hàng hóa nhập khẩu về chân công trình và được kiểm tra nghiệm thu theo quy định của pháp luật Việt Nam; thanh toán giá trị còn lại 30% có khấu trừ tiền tạm ứng và tiền giữ lại bảo hành 5% sau khi lắp đặt xong và được đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và được nghiệm thu theo quy định. Nhưng nhà thầu đòi thanh toán 70% giá trị hàng hóa có khấu trừ tiền tạm ứng và tiền giữ lại bảo hành 5% khi hàng lên tàu và thanh toán nốt 30% giá trị còn lại có khấu trừ tiền tạm ứng và tiền giữ lại bảo hành 5% khi hàng về đến chân công trình được Chủ đầu tư kiểm tra nghiệm thu để đưa vào lắp đặt.

b. Các biện pháp tháo gỡ khó khăn đã thực hiện của các đơn vị liên quan.

- Chính phủ Việt Nam: Đã có nhiều văn bản chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương xem xét, tạo điều kiện giúp đỡ, hướng dẫn chủ đầu tư và nhà thầu tháo gỡ khó khăn vướng mắc của Dự án.

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Ngoại giao, UBND tỉnh Hưng Yên, Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam và các sở, ngành chức năng của tỉnh đã kịp thời hướng dẫn, giúp đỡ chủ đầu tư tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn, đồng thời yêu cầu nhà thầu hợp tác với chủ đầu tư, tuân thủ thực hiện hợp đồng đã ký.

- Kết quả đạt được: Thông qua đơn vị tư vấn, nhà thầu và chủ đầu tư đã thương thảo, đi đến thống nhất về quy trình thanh toán đối với thiết bị, máy móc nhập khẩu và việc thay đổi xuất xứ vật tư, máy móc thiết bị của Dự án. Những vấn đề trên đã được UBND tỉnh chấp thuận.

- Tuy nhiên, nhà thầu lại không ký Phụ lục Hợp đồng theo những vấn đề đã đạt được qua thương thảo để tiếp tục thi công hoàn thành Dự án mà Nhà thầu lại làm đơn khởi kiện chủ đầu tư ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam với những lý do không đúng sự thật.

c. Vướng mắc mới nảy sinh của Dự án.

Sau khi bị khởi kiện, chủ đầu tư đã có bản tự bảo vệ “về việc ý kiến phản bác đơn khởi kiện của nhà thầu đối với chủ đầu tư”; đồng thời, có đơn gửi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam kiện lại nhà thầu. Kết quả giải quyết tranh chấp giữa chủ đầu tư và nhà thầu đang chờ phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam.

10.2.4. Kiến nghị đề xuất.

Để dự án tiếp tục triển khai thi công hoàn thành đưa vào sử dụng cấp nước sạch cho nhân dân thành phố Hưng Yên và các vùng phụ cận. Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên tiếp tục kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Đại sứ quán Phần Lan, UBND tỉnh Hưng Yên và các bộ : Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Ngoại giao tiếp tục quan tâm, giúp đỡ cho dự án như sau:

a. Nếu Trung tâm Trọng Tài Quốc tế Việt Nam hòa giải vụ tranh chấp hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thành công, chủ đầu tư và nhà thầu ký được Phụ lục hợp đồng thay đổi điều chỉnh một số nội dung của Hợp đồng số HY-WP-01 theo kết quả đạt được qua thương thảo và gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng để tiếp tục thực hiện dự án thì:

- Dự án tiếp tục được sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan để thi công hoàn thành công trình.

- Đề nghị Đại sứ quán Phần Lan chấp thuận tỷ lệ hàng hóa và dịch vụ xuất xứ Phần Lan từ 33,03% (theo hợp đồng) xuống còn 24,83% (sau điều chỉnh thay đổi xuất xứ vật tư, máy móc, thiết bị trong Hợp đồng HY-WP-01); gia hạn tín dụng ưu đãi ODA để có đủ thời gian thực hiện Dự án.

- Đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hưng Yên sớm ký gia hạn hợp đồng tín dụng với Chủ đầu tư (sau khi chủ đầu tư và nhà thầu ký phục lục hợp đồng gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng).

- Cho Dự án được khoan nợ kể từ ngày 16/5/2013 đến ngày chủ đầu tư ký được Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc đến khi có phương án khác cho việc tiếp tục thực hiện dự án.

b. Trường hợp Trung tâm Trọng Tài Quốc tế Việt Nam hòa giải không thành công tranh chấp:

- Công ty kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên sẽ kết thúc Dự án với trình tự, thủ tục theo Hợp đồng và Bộ Luật dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như gợi ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Biên bản họp định kỳ của Tổ công tác hỗn hợp Việt Nam – Phần Lan về tín dụng ưu đãi Phần Lan vào ngày 09/10/2013.

- Đề nghị Đại sứ quán Phần Lan, các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Ngoại giao, UBND tỉnh Hưng Yên chỉ đạo, hướng dẫn chủ đầu tư theo hướng tổ chức lựa chọn nhà thầu khác thay thế Nhà thầu Bafo Phần Lan để tiếp tục thực hiện khối lượng công việc còn lại của Dự án (Dự án tiếp tục được sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan).

*** Ghi chú:**

Giá thiết trong trường hợp các cấp cho phép chủ đầu tư dừng hợp đồng số HY-WP-01 với nhà thầu Tập đoàn Bafo Phần Lan. Chủ đầu tư tạm tính giá trị thanh quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu là:

- Số tiền chủ đầu tư tạm tính trả nhà thầu là: 1.168.383 EURO, trong đó:

+ Giá trị khối lượng hoàn thành lần 4 và lần 5 (như đã trình bày ở trên) là: 999.518 EURO.

+ Chủ đầu tư tạm tính giá trị khối lượng còn lại của vật tư ống gang dẻo và phụ kiện nhà thầu đã nhập về công trường (với điều kiện nhà thầu phải bàn giao lại cho chủ đầu tư số vật tư ống gang còn lại trên công

trường đảm bảo về số lượng, chất lượng theo quy định). Với giá trị là: 117.334 EURO

(có phụ lục số KN-KDNS -04 bảng tạm tính giá trị khối lượng còn lại vật tư ống gang dẻo và phụ kiện đã nhập về công trường kèm theo)

+ Thanh toán nốt giá trị tiền bảo hành công trình 5% lũy kế khối lượng hoàn thành đến đợt 3 là: 51.531,0 EURO

- Số tiền nhà thầu phải trả chủ đầu tư là: 883.605,0 EURO (đây là số tiền chủ đầu tư đã tạm ứng còn lại cho nhà thầu) .

Như vậy chủ đầu tư tạm tính số tiền chủ đầu tư sẽ phải trả nhà thầu còn lại là: 1.168.383 EURO - 883.605,0 EURO = 284.778,0 EURO, tương đương 7.261.839.000 đồng (tạm quy đổi 01 EURO = 25.500 VNĐ)

(Lưu ý: Để xác định giá trị khối lượng thực tế công việc trên của nhà thầu theo hợp đồng HY-WP-01 cần phải được một đơn vị tư vấn thực hiện, vì các lần nghiệm thu khối lượng hoàn thành giữa kỳ các đợt chỉ mang tính chất tương đối, cuối cùng thì nhà thầu vẫn phải thi công hoàn thành công trình, ...)

10.3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty

Bảng số 13: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2013-2015 và 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	30/6/2016
1. Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	152.238	161.227	172.273	171.737
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Tr. đồng	50.449	52.934	57.305	57.310
3. Nợ vay ngắn hạn Trong đó, nợ quá hạn	Tr. đồng	-	-	-	-
4. Nợ vay dài hạn Trong đó, nợ quá hạn	Tr. đồng Tr. đồng	93.314 1.432	100.944 4.295	105.181 7.158	102.963 8.590
5. Nợ phải thu khó đòi	Tr. đồng	-	9,8	-	-
6. Tổng số lao động	Người	109	110	110	106
7. Tổng quỹ lương	Tr. đồng	6.192	6.691	6.962	3.360
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr. đồng	4,74	5,07	5,27	5,28
9. Tổng doanh thu	Tr. đồng	13.632	15.257	20.432	12.387
10. Tổng chi phí	Tr. đồng	13.568	15.229	20.019	12.382
11. Lợi nhuận thực hiện	Tr. đồng	63,6	28,28	413,92	6,24

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	30/6/2016
12. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	63,6	28,28	255,26	44,99
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	0,13	0,05	0,45	0,08

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

10.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

Trong quá trình hoạt động, Công ty cũng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan do đó có tác động đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

▪ Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở ban ngành hữu quan trong tỉnh.
- Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm trong công việc. Đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao
- Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như: xây dựng, vận hành, quản lý nhà máy và mạng lưới cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước...
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Công ty đã được đầu tư cải tạo, công suất các nhà máy được nâng cao, hệ thống cấp nước được mở rộng trong toàn tỉnh, là cơ hội để Công ty phát triển.
- Công ty nhận được nhiều sự ủng hộ của khách hàng, khẳng định được vị thế, uy tín trên thị trường.

▪ Khó khăn:

- Nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn do hậu quả của suy thoái kinh tế; việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng chậm; thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn.
- Mức lương tối thiểu của Nhà nước tăng, giá điện, vật tư, hóa chất tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất tăng trong khi đó giá nước Công ty chưa được điều chỉnh kịp thời để đủ bù đắp chi phí (từ năm 2010 cho đến nay giá nước của Công ty chưa được điều chỉnh).
- Tình hình tài chính của Công ty gặp khó khăn, áp lực trả lãi vay tín dụng để xây dựng các dự án; các dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho các thị trấn, thị tứ vùng nông thôn một số huyện có vốn đầu tư lớn nhưng công suất tiêu thụ giai đoạn đầu còn thấp, chưa đạt so với thiết kế.
- Tình trạng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước tiếp tục tăng cao; mực nước sông, nước ngầm xuống thấp dẫn đến việc khai thác và xử lý nước sẽ khó khăn.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Vị thế của Công ty trong ngành.

Do đặc thù của ngành cung cấp nước sạch, mỗi doanh nghiệp cung cấp nước sạch hoạt động trong một phạm vi địa lý nhất định. Hiện tại, Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên là đơn vị thực hiện cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Hưng Yên, một số thị trấn, thị tứ các huyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như: Thị trấn Vương và các xã Dị Chế, xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ; thị tứ Phùng Hưng, huyện Khoái Châu; thị tứ Toàn Thắng, huyện Kim Động; thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi,...

Triển vọng phát triển ngành

- Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thì Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên là đơn vị được UBND tỉnh Hưng Yên giao nhiệm vụ sản xuất, cung cấp nước sạch cho nhân dân trên toàn tỉnh, ngoài ra cũng có một số đơn vị cấp nước tư nhân quy mô tương đối lớn phục vụ cấp nước cho khu Công nghiệp Phố Nối và một số thị trấn, thị tứ khác trong tỉnh.

- Nước sạch là mặt hàng quan trọng, thiết yếu đối với toàn xã hội. Khi nền kinh tế phát triển, tốc độ đô thị hóa cao, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng. Hơn nữa do biến đổi khí hậu, nguồn nước ngầm, nước mặt ngày càng cạn kiệt và trở nên ô nhiễm, khi đó nhu cầu sử dụng nước trong tự nhiên được thay thế bởi các nguồn nước sạch do Công ty cấp nước cung cấp. Tuy nhiên ở Việt Nam hiện nay, ngành công nghiệp nước và vệ sinh môi trường chưa đáp ứng được nhu cầu trước thực trạng tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa cao. Nước thải chưa được xử lý thải trực tiếp ra môi trường gây ô nhiễm nghiêm trọng. Chính vì vậy, lĩnh vực cung cấp nước sạch luôn là lĩnh vực được Chính phủ, các tổ chức và toàn xã hội đặc biệt quan tâm với rất nhiều dự án tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội.

- Nước sạch là loại hàng hóa mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm làm ra được người dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Do tính đặc thù và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho Công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và các tổ chức trong xã hội nên chất lượng phục vụ luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Chất lượng phục vụ của các hoạt động công ích của Công ty ngày càng được nâng cao nên được khách hàng tin tưởng và ủng hộ. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

- Theo Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1929), mục tiêu đạt được đến năm 2025 là tỷ lệ bao phủ cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100% với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt là 120 lít/người/ngày đêm; và giảm tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch xuống dưới 15% (từ mức bình quân 22%-25% vào năm 2016).

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên theo quy định cấp nước và định hướng phát triển ngành theo Quyết định 1929....., Công ty sẽ xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của tỉnh. Định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.

- Huy động vốn nhân rộng của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định.

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

2. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND tỉnh Hưng Yên và các cơ quan ban ngành của Tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.

- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần.

- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để.

- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên là: **Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.**

4. **Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần**

✚ Vốn điều lệ Công ty cổ phần

Giá trị thực tế Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa: **171.898.424.216** đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, tám trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm mười sáu đồng*)

Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả là: **115.233.163.269** đồng
(*Bằng chữ: Một trăm mười lăm tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi chín đồng*)
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước là: **56.665.260.947** đồng
(*Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ tám trăm năm mươi chín triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi một đồng*)

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty sau cổ phần hóa
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

Công ty xây dựng cơ cấu vốn điều lệ như sau:

- Vốn điều lệ Công ty cổ phần: **80.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: tám mươi tỷ đồng*)
- Mệnh giá cổ phần: **10.000** đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phổ thông: **8.000.000** cổ phần

✚ Cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán làm cơ sở để lựa chọn và bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên:

Bảng số 14: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	2.800.000	28.000.000.000	35
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	348.500	3.485.000.000	4,36

2.1	Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	121.100	1.211.000.000	1,52
2.2	Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	227.400	2.274.000.000	2,84
a	Cổ phần ưu đãi theo số năm cam kết (200 cổ phần/năm) tối đa 2.000 cổ phần/người	134.000	1.340.000.000	1,67
b	Cổ phần ưu đãi lao động chuyên gia giỏi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao (500 cổ phần/năm) tối đa 5.000 cổ phần/người	93.400	934.000.000	1,17
3	Bán cho Công đoàn	0	0	0
4	Bán cho Nhà đầu tư chiến lược	4.400.000	44.000.000.000	55
5	Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài	451.500	4.515.000.000	5,64
	Tổng cộng	8.000.000	80.000.000.000	100

5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HƯNG YÊN**

Tên viết tắt bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CẤP NƯỚC HƯNG YÊN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài : **HUNG YEN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**

Trụ sở chính : Số 3 đường Tô Hiệu, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : (0321) 3862 487

Fax : (0321) 3865 298

Email : ctycnnhy@gmail.com

6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Bảng số 15: Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

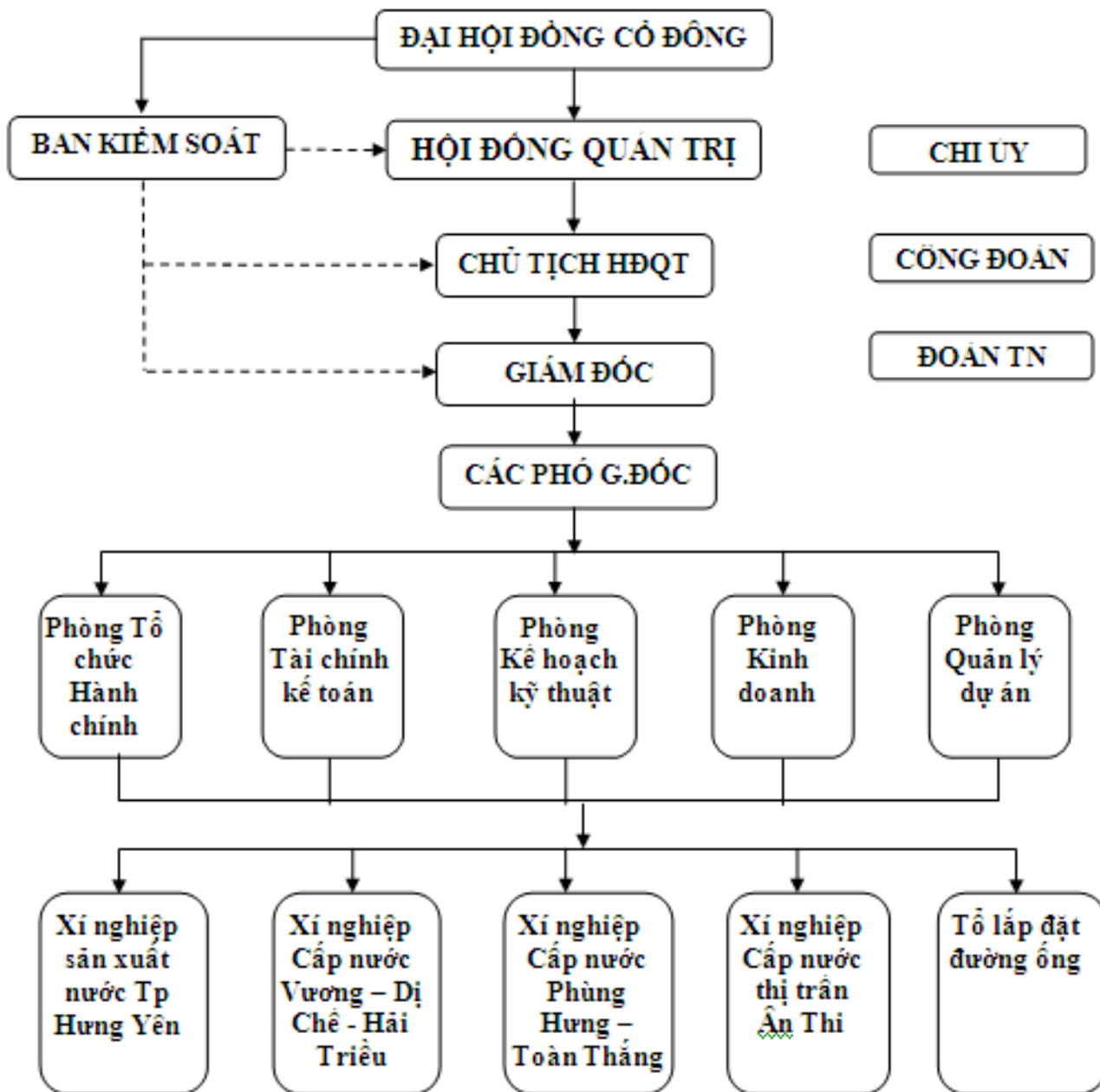
STT	Tên ngành
1	Khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác .

2	Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước.
3	Sản xuất nước tinh lọc, nước đá.
4	Tư vấn thiết kế các công trình cấp nước, thoát nước quy mô vừa và nhỏ
5	Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng công trình cấp, thoát nước;
6	Tư vấn quản lý các công trình cấp nước;
7	Bán buôn, bán lẻ nước tinh khiết, nước đá;
8	Bán buôn, bán lẻ vật tư thiết bị ngành cấp, thoát nước;
9	Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên).

7. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty sau cổ phần hóa

Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức công ty cổ phần



(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

Công ty cổ phần Cấp nước Hưng Yên hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của công ty như sau:

– Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

– Hội đồng quản trị:

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty cổ phần quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty cổ phần. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và điều lệ công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định

– Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị

Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Chủ tọa cuộc họp Đại hội cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

– Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty dự kiến có 03 người, tiêu chuẩn và danh sách ứng cử sẽ do Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua.

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thay mặt cổ đông giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện trách nhiệm được giao.

Ban kiểm soát kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Các quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty.

– Giám đốc, Phó Giám đốc:

Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó giám đốc.

Giám đốc, các Phó giám đốc là những người đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định của Chính phủ và điều lệ công ty

– Phòng, ban, Đơn vị trực thuộc:

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị trực thuộc cơ bản hoạt động theo mô hình hiện tại, tuy nhiên khi thay đổi cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của một số phòng ban sẽ được thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ.

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược phát triển Công ty

Mục tiêu của Công ty

- Xây dựng Công ty Cổ phần cấp nước Hưng Yên mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao hơn.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Xây dựng đơn vị thành một đơn vị đi đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích và dân sinh, từng bước đưa Công ty phát triển và tăng trưởng bền vững, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống

Định hướng phát triển

- Liên kết: Các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời thúc đẩy mạnh liên kết các bộ phận trong doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- Ngành nghề và sản phẩm: Phát triển vững chắc - tập trung thực hiện tốt các gói hợp đồng cung cấp dịch vụ công ích được giao. Chuẩn bị các chiến lược sản phẩm và thị trường để phát triển sản xuất kinh doanh.
- Về kỹ thuật, công nghệ: Từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, tăng trưởng chất lượng, tạo ra giá trị gia tăng cao. Hợp tác với đối tác nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quá trình vận hành trang thiết bị nhằm nâng cao năng suất, giá cả, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao.
- Đổi mới: Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp. Công ty là đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa

Sau khi cổ phần hóa, mục tiêu quan trọng nhất Công ty là đổi mới và củng cố lại quản trị Công ty, sắp xếp lại nhân sự các phòng ban, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm cho người lao động. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 16: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Các chỉ tiêu kế hoạch			
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu					
1.1	Sản lượng nước sản xuất	1.000m ³	2.764	3.456	5.642	6.122
1.2	Sản lượng nước thương phẩm	1.000m ³	2.156	2.730	4.513	4.959
1.3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	22	21	20	19

2	Đơn giá nước BQ dự kiến	VNĐ	8.019	9.222	10.605	12.196
3	Doanh thu	Tỷ đồng	24,044	33,305	56,605	70,082
3.1	Doanh thu nước sạch	Tỷ đồng	17,288	25,179	47,866	60,479
3.2	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	6,3	8,0	8,5	9,3
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,122	2,765	1,404	3,979
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,97	2,212	1,123	3,183
-	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)	Tỷ đồng	-	0,221	0,112	0,318
-	Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành (5%)	Tỷ đồng	-	0,111	0,056	0,159
-	Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	Tỷ đồng	-	0,111	0,056	0,159
-	Lợi nhuận còn lại để trả cổ tức (bao gồm cả phần vốn của Nhà nước)	Tỷ đồng	-	1,769	0,899	2,547
6	Tỷ lệ cổ tức chi trả	%	-	2,2	1,12	3,18
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	7,368	7,862	8,996	9,843
8	Số lao động bình quân	Người	105	105	115	120
9	Thu nhập bình quân của người lao động	Trđ/ người/ tháng	5,8	6,2	6,5	6,8

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

* Ghi chú: Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty xây dựng trên cơ sở giá nước bình quân dự kiến phải được điều chỉnh năm sau tăng hơn năm trước 15%

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 03 năm sau cổ phần hoá

Bảng số 17: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản 03 năm sau cổ phần

ĐVT: tỷ đồng

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
I	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phát triển cấp nước tại thành phố Hưng Yên.	312,97	99,482	213,488	175,887	64,891	72,192

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
1	Khoan 01 giếng khai thác nước ngầm để đảm bảo an toàn cấp nước cho NMN số 2 thành phố Hưng Yên (Hoàn thành Quý I/2017)	1,8	1,8		1,8		
2	Xây dựng hoàn thành Dự án Hệ thống cấp nước thành phố Hưng Yên, công suất 10.000 m ³ /ngđ (các cấp thống nhất hủy Hợp đồng với Nhà thầu Phần Lan, tiếp tục vay vốn ODA Phần Lan hoặc nguồn vốn khác). Trong đó:	141,773	46,863	94,910	141,773	0	0
2.1	Phân vốn đã giải ngân của DA đến lần 3 (65,905 tỷ đồng)						
2.2	Tiếp tục thực hiện đợt I: Dự kiến phần vốn chi trả KLHT của Nhà thầu đã thực hiện (bao gồm thanh toán KLHT lần 4+5 và thanh toán vật tư ống gang nhập khâu còn lại, thanh toán 5% giá trị bảo hành công trình đến lần 3 và đối trừ tiền đã tạm ứng còn lại với Nhà thầu) và vốn đầu tư tiếp để hoàn	31,149	9,345	21,804	31,149		

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
	thiện một số công trình đầu nguồn của Dự án với mục đích trước mắt cấp nước thô về khu xử lý NMN số 2 thành phố Hưng Yên để thay thế nguồn nước ngầm hiện tại đồng thời nâng công suất NMN số 2 lên đạt khoảng 8.000m ³ /ngđ (<i>Dự kiến hoàn thành tháng 6/2017</i>)						
2.3	Đợt II: Tiếp tục thi công hoàn thiện các hạng mục công trình còn lại của Dự án Hệ thống cấp nước thành phố Hưng Yên công suất 10.000 m ³ /ngđ (<i>Dự kiến hoàn thành tháng 12/2017</i>)	110,624	37,518	73,106	110,624		
3	Lắp đặt phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước và hệ tiêu thụ cho thành phố Hưng Yên. (<i>Đầu tư năm 2017: Hoàn thành vào T12/2017; Đầu tư năm 2018: Hoàn thành T6/2018; Đầu tư năm 2019: Hoàn thành T6/2019</i>)	169,397	50,819	118,578	32,314	64,891	72,192
3.1	Phường Lê Lợi	0,408	0,122	0,286	0,408		

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
3.2	Phường Quang Trung	0,332	0,100	0,232	0,332		
3.3	Phường Minh Khai	3,689	1,107	2,582	3,689		
3.4	Phường Hiến Nam	4,489	1,347	3,142	4,489		
3.5	Phường An Tảo	6,857	2,057	4,799	6,857		
3.6	Phường Lam Sơn	10,555	3,166	7,388	10,555		
3.7	Phường Hồng Châu	5,984	1,795	4,189	5,984		
3.8	Xã Liên Phương	14,412	4,324	10,088		14,412	
3.9	Xã Trung Nghĩa	16,965	5,089	11,876		16,965	
3.10	Xã Hồng Nam	14,145	4,243	9,902			14,145
3.11	Xã Quảng Châu	19,044	5,713	13,331		19,044	
3.12	Xã Bảo Khê	10,754	3,226	7,528			10,754
3.13	Xã Tân Hưng	14,372	4,312	10,060			14,372
3.14	Xã Phương Chiểu	14,47	4,341	10,129		14,47	
3.15	Xã Hoàng Hanh	9,362	2,809	6,553			9,362
3.16	Xã Hùng Cường	11,573	3,472	8,101			11,573
3.17	Xã Phú Cường	11,987	3,596	8,391			11,987
II	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phát triển cấp nước tại xã Phùng Hưng, xã Toàn Thắng và các vùng lân cận. (Đầu tư năm 2017: Hoàn thành vào T9/2017; Đầu tư năm 2018: Hoàn thành T6/2018; Đầu tư năm 2019: Hoàn thành T6/2019)	42,724	12,817	29,907	20,071	18,167	4,486
1	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu (tỉ lệ bao phủ 90%)	3,037	0,911	2,126	3,037		
2	Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu (tỉ lệ bao phủ 70%)	7,819	2,346	5,473	3,909	3,909	
3	Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu (tỉ lệ bao phủ 70%)	8,972	2,691	6,280		4,486	4,486

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
4	Xã Toàn Thắng, huyện Kim Động (tỉ lệ bao phủ 90%)	3,353	1,006	2,347	3,353		
5	Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động + tuyến truyền tải D160 vào NMN Ân Thi (tỉ lệ bao phủ 70%)	11,602	3,481	8,122	5,801	5,801	
6	Xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động (tỉ lệ bao phủ 70%)	7,942	2,382	5,559	3,971	3,971	
III	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phát triển cấp nước tại thị trấn Vương, xã Hải Triều, xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ. (Hoàn thành vào T12/2017)	5,541	1,662	3,879	5,541	0,000	0,000
1	Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ	0,380	0,114	0,266	0,380		
2	Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ	4,096	1,229	2,867	4,096		
3	Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ	1,065	0,319	0,746	1,065		
IV	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phát triển cấp nước tại thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi. (Hoàn thành vào T9/2017)	1,634	0,490	1,144	1,634	0	0
1	Thị trấn Ân Thi	1,634	0,490	1,144	1,634		
V	Kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Công ty.	10,000	3,000	7,000		0	10,000
Tổng mức đầu tư giai		372,869	117,451	255,418	203,133	83,058	86,678

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện		
			Vốn Chủ sở hữu	Vốn vay	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019
					Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư
đoạn từ 2017-2019							

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên)

* Ghi chú: Doanh nghiệp Cổ phần hóa có trách nhiệm tiếp tục kế thừa tài sản là chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên sổ sách kế toán và giá trị khối lượng Nhà thầu đã thực hiện chưa có hồ sơ giá trị thanh toán; Các khoản nợ đầu tư xây dựng công trình Hệ thống cấp nước TP Hưng Yên công suất 10.000m³/ ngày đêm, nguồn vốn tín dụng ưu đãi ODA Phần Lan; ... Đồng thời Công ty Cổ phần sẽ tiếp tục kế thừa vai trò của Chủ đầu tư trong việc giải quyết tranh chấp, đàm phán với Nhà thầu Tập đoàn Bafo Phần Lan, ... hoặc có các phương án khác để tiếp tục tổ chức triển khai xây dựng hoàn thành Dự án, kịp thời cấp nước cho nhân dân thành phố Hưng Yên và các vùng phụ cận.

3. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1929); Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020.

Nhằm đảm bảo nhu cầu dùng nước cho thành phố Hưng Yên, các huyện và các Khu công nghiệp trong tỉnh theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến năm 2020 với sự phát triển mạnh của dân cư đô thị và các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trong địa bàn toàn tỉnh, Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, đa dạng hoá các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Công ty tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau:

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.
- Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2025 xuống dưới 15%. Ưu tiên các dự án hiện đại hóa việc quản lý mạng lưới đường ống cấp nước, chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.
- Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

- Nâng cao năng lực, công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5502:2003 về nước cấp sinh hoạt. Nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước bảo đảm cấp nước an toàn. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ - đưa đến khách hàng các dịch vụ - phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Hướng tới khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến 2020. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế có trình độ cao về làm việc tại Công ty

4. Biện pháp thực hiện

📌 Về tài chính

- Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của Công ty cổ phần cấp nước Hưng Yên trong giai đoạn 2017-2019 cần khoảng 372 tỷ đồng. Để giải quyết vốn cho đầu tư phát triển, Công ty huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thông qua các hình thức vay vốn và vốn tự có.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, phát huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư

📌 Đầu tư nguồn vốn

Để thực hiện kế hoạch ổn định và phát triển của Công ty cổ phần trong giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ đầu tư cho một số phần việc cụ thể sau:

- Thứ nhất Công ty tiếp tục duy trì năng lực hiện có của Công ty để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn sau quá trình cổ phần hóa. Đồng thời tiến hành lộ trình tái cơ cấu nguồn vốn dần dần trong khoảng từ 3 – 5 năm, sắp xếp việc trả nợ đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng tự chủ về tài chính là tối ưu nhất. Trên cơ sở xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, quản lý dòng tiền cũng như chiến lược phù hợp để có thể nâng cao uy tín cũng như thương hiệu của Công ty sau cổ phần hóa;

- Sau khi Cổ phần hoá phải hướng tới sự thu hút và tập trung các nguồn vốn xã hội. Để huy động nguồn vốn cần phát hành thêm cổ phiếu, mở rộng bán cổ phần cho các chủ sở hữu trong và ngoài Công ty, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài. Trước hết, cần ưu tiên bán cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp để gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của người lao động với Công ty, đồng thời cho phép khai thác được nguồn vốn nội bộ một cách hiệu quả.

- Tăng cường, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng đảm bảo khả năng thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tuy đã đạt được nhiều thành công nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức, mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng tăng tạo nguy cơ cho sự phát triển ổn định của Công ty. Để đạt được các mục tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra trong giai đoạn 2017 - 2019 và những năm tiếp theo đòi hỏi toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên

trong Công ty phải tiếp tục phấn đấu nhiều hơn nữa để đạt được kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty cần có sự giúp đỡ từ phía Nhà nước và chính quyền địa phương để có thể ổn định duy trì và phát triển hoạt động của Công ty, ít bị ảnh hưởng sau cổ phần hóa.

Giải pháp về thị trường

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty tập trung triển khai các nhóm biện pháp và hoạt động cụ thể như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp với năng lực của Công ty trên từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, trong đó tập trung chủ yếu vào lĩnh vực chính là: sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác của nhân dân và các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung tiết giảm chi phí trên mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm tối đa các chi phí quản lý; tập trung cải cách các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thông tin điều hành được xử lý kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả. Quán triệt vai trò trách nhiệm của cán bộ, nhân viên, tăng cường quản lý giờ lao động, bố trí nhân lực phù hợp, đúng người, đúng việc tạo điều kiện để lao động phát huy tối đa khả năng.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các ban ngành, địa phương trong thực hiện chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ kinh tế - chính trị của công ty. Nắm bắt kịp thời những thông tin về chiến lược, định hướng, tiến trình đầu tư, cung cấp các dịch vụ công cộng để giành lợi thế trong việc cạnh tranh, tham gia đầu tư hay nhận thầu xây lắp các dự án. Chú trọng tăng cường công tác đối ngoại để tranh thủ sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo và ban ngành địa phương, không ngừng củng cố mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế trong hoạt động bảo vệ môi trường và cung cấp dịch vụ công. Chủ động tìm kiếm đối tác kinh doanh và mở rộng địa bàn hoạt động, kể cả lĩnh vực công ích và các hoạt động kinh doanh khác. Khai thác và mở rộng thị trường hoạt động, đồng thời phát triển thêm ngành nghề kinh doanh trong thời gian tới. Chủ động áp dụng và thực hiện cơ chế đặt hàng theo đơn giá mới với chính quyền địa phương trong hoạt động công ích.

- Quan tâm nghiên cứu mở rộng thị trường; Đảm bảo sản phẩm sản xuất ra phải đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Trên cơ sở duy trì và giữ vững được thị trường hiện tại của mình và mở rộng thị trường tiêu thụ nước sạch trên địa bàn toàn tỉnh, quan tâm cấp nước đến những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Trong việc nghiên cứu thị trường, Công ty cần phải tổ chức thực hiện công tác điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về nhu cầu nước sạch vào cả mùa hè và mùa đông. Sau khi tiến hành phân tích và xử lý các thông tin đã thu thập được rồi xác định lượng cầu của thị trường căn cứ vào kết quả của công tác phân tích và xử lý ở trên. Công ty dựa vào kết quả này để ra quyết định hợp lý trong việc sản xuất và cung ứng nước sạch.

- Công ty cần xác lập các mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng uy tín của Công ty trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường.

Giải pháp về công nghệ, kỹ thuật

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý khoa học công nghệ, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực để phụ trách việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất của Công ty.
- Nghiên cứu, tiếp cận, chuyển giao và sử dụng thành thực các loại công nghệ tiên tiến trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hiện đại hóa mạng lưới cấp nước, lập phương án đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ theo dõi, quản lý hệ thống cấp nước, chất lượng nước và khách hàng trên nền tảng của công nghệ SCADA và GIS theo từng giải đoạn phù hợp với sự phát triển của Công ty.
- Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác chống thất thoát nước sạch nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý.
- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống ống dẫn, ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất kinh doanh. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh

Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý

- Sau khi cổ phần hóa cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này sẽ tạo ra tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý.
- Để đạt được mục tiêu vừa đảm bảo cấp nước, vừa phải đạt được kết quả kinh doanh theo cơ chế thị trường, trước hết Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức theo mục tiêu kinh doanh mà quan trọng nhất là nâng cao năng lực cấp nước, chống thất thu thất thoát, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và công tác ghi thu.
- Mọi hoạt động của các phòng ban, bộ phận của Công ty, phải phục vụ công tác sản xuất kinh doanh, quản lý khách hàng, công tác ghi và thu có hiệu quả. Điều này phải được quán triệt đến tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty. Nhân viên quản lý khách hàng, ghi thu là những người bán hàng trực tiếp cần được tuyển chọn và đào tạo thật tốt để có đủ trình độ và phẩm chất làm việc cho Công ty.
- Tiến hành lắp đặt ngay đồng hồ đo lưu lượng nước phát vào mạng đối với những tuyến chưa được lắp đặt của từng xí nghiệp, các xí nghiệp phải có trách nhiệm phân đấu giảm tỷ lệ thất thoát thất thu trên địa bàn của mình.
- Tổ chức tổng kiểm tra cơ bản tất cả các đối tượng dùng nước, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, công an để làm công tác điều tra khách hàng xử lý các vụ vi phạm trong việc dùng nước, cắt bỏ hộ vi phạm sử dụng nước hoặc đấu nối trái phép và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.
- Cải thiện mức độ dịch vụ đến với khách hàng. Công ty phải chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, trực tiếp giải quyết các tồn tại, vướng mắc đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của khách hàng. Đảm bảo sự công bằng giữa người mua và người bán, khách hàng dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu.
- Xây dựng chế độ trả lương có sức thu hút cho CBCNV và có quy chế phạt nghiêm khắc đối với những người vi phạm quy định của Công ty

- Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt nhằm phát hiện các hộ khách hàng sót, trái phép và phát hiện rò rỉ, tiếp nhận các thông tin về cấp nước để kịp thời sửa chữa và thi công đấu mới, làm cơ sở cho khả năng tăng số lượng khách hàng dùng nước.
- Tăng cường công tác kiểm soát, chống thất thoát trên các tuyến, các vùng, kiểm soát các chỉ tiêu sản xuất của các xí nghiệp và các nhà máy tránh tình trạng báo cáo không trung thực làm tăng tỷ lệ thất thoát, thất thu

Giải pháp về nhân sự và bộ máy Công ty cổ phần

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Công ty. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân sự, thường xuyên tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo từng thời kỳ. Sau chính thức chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, ban lãnh đạo sẽ tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với ngành nghề đào tạo, năng lực sở trường. Những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì Công ty sẽ đào tạo lại hoặc bố trí việc làm khác cho phù hợp. Công ty ưu tiên nhận những người đã qua đào tạo cơ bản, tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi theo nhu cầu tuyển dụng trong từng thời điểm.
- Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi ngộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài. Hàng năm, tiến hành bố trí, sắp xếp lao động một cách hợp lý theo đúng quy định và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong đó, những lao động có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với doanh nghiệp, lao động đã mua cổ phần tại Công ty đồng thời là cổ đông của Công ty sẽ được ưu tiên hơn khi Công ty thực hiện các chính sách lao động.
- Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Đảm bảo có chính sách tiền lương phù hợp, đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của người lao động để duy trì đội ngũ lao động có trình độ năng lực và tâm huyết; thực hiện việc phân phối tiền lương công bằng theo hiệu quả công việc, sự cống hiến của người lao động và phù hợp với điều kiện thị trường....
- Lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh Chính vì vậy nâng cao trình độ đội ngũ lao động, đào tạo cán bộ quản lý là một việc rất cần thiết để tạo hiệu quả hoạt động của công ty:
- Công ty phải thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến, kích thích tinh thần nhằm làm cho người lao động được nâng cao năng suất lao động.
- Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại; Công ty sẽ tạo điều kiện cho các cán bộ này tham gia vào các khoá đào tạo bồi dưỡng kiến thức mới, tổ chức tham quan học tập tại các đơn vị bạn để học hỏi kinh nghiệm từ đó làm chủ được các yếu tố bên ngoài của thị trường, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.

- Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường nguyên vọng của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, năng suất hiệu quả thấp.
- Công ty sẽ tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng các công việc của Công ty để ra quyết định nhanh chóng và chính xác.
- Để tạo động lực cho tập thể và cá nhân, người lao động, Công ty có biện pháp khuyến khích người lao động như: Phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm công bằng, hợp lý thưởng, phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao, có trách nhiệm trong công việc hay những người có những ý kiến đóng góp cho Công ty trong sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả cao

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO từ năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tăng trưởng tích cực nhờ các chính sách kinh tế thế giới và việc mở rộng giao lưu và hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi do ký kết các hiệp định thương mại thì việc cạnh tranh ngày càng tăng cao, các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam gia tăng, gây khó khăn thách thức với các doanh nghiệp trong nước.

Trong năm 2015, kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định và lấy lại được đà tăng trưởng khá cao. Năm 2015, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,68% so với năm 2014; cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và mức tăng trưởng này cao nhất trong giai đoạn 2011-2015. Năm 2015, CPI bình quân tăng 0,63% so với bình quân năm 2014, mức tăng thấp nhất trong 14 năm trở lại đây, chủ yếu là do yếu tố giảm giá của thế giới, tác động vào Việt Nam và cũng kiến tạo nên sự ổn định đối với tổng cầu của nền kinh tế. Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu của WB công bố tháng 01-2016 dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016 ở mức 2,9%. Kinh tế thế giới năm 2016 được dự đoán là có phục hồi nhưng không vững chắc, chủ yếu là do thương mại toàn cầu suy giảm; khả năng biến động thị trường tài chính do các nước tiếp tục phá giá đồng tiền và lãi suất ở các nền kinh tế chủ đạo tăng ở các mốc thời gian không dự đoán được; giá dầu thấp gây áp lực đến cân đối tài chính ở các nước sản xuất dầu; nguy cơ suy thoái hoặc giảm phát kéo dài ở các nền kinh tế châu Âu, Nhật Bản; các thị trường mới nổi đang gặp nhiều thách thức do các nguyên nhân chính trị, kinh tế, tài chính tiền tệ chi phối. Khả năng phát triển kinh tế tiếp tục bị kìm hãm bởi những yếu tố, như năng suất thấp, dân số ngày càng già hóa và những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

2. Rủi ro pháp lý

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong vấn đề đất đai nói riêng và hệ thống văn bản pháp quy nói chung. Hoạt động kinh

doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật đất đai,... Theo dự kiến, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng phần nào tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

3. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán Việt nam còn khá non trẻ, bên cạnh đó do ảnh hưởng của biến động của nền kinh tế thế giới và kinh tế đất nước trong thời gian qua dẫn tới tâm lý của các nhà đầu tư chưa thực sự ổn định. Phần đông số họ đang chờ các động thái tích cực hơn của Chính phủ và các chính sách ổn định kinh tế trong thời gian tới. Do đó, tình hình giao dịch cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC chưa thực sự sôi động. Vì vậy, việc chào bán cổ phần ra công chúng trong thời điểm này sẽ gặp phải một số khó khăn, bất lợi nhất định.

Tuy nhiên dựa trên cơ sở thương hiệu, uy tín đã được khẳng định trên thị trường cùng với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua và khả năng phát triển của Công ty trong thời gian tới, khả năng thành công của đợt chào bán có thể tăng lên đáng kể.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty sau cổ phần hóa.

II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Nhà đầu tư trong nước, nước ngoài theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa).

2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ

Số cổ phần Nhà nước nắm giữ sau cổ phần hóa là **2.800.000 cổ phần**, chiếm **35 % vốn điều lệ** Công ty cổ phần.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP như sau: “Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá

Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp

100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh”.

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

✚ Cổ phần người lao động mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Căn cứ khoản 1, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ – CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (08/11/2016), tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là: 101 lao động. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ – CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Sổ Bảo hiểm lao động của người lao động, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty tại : 101 lao động
thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn : 101 lao động
thâm niên làm việc tại khu vực nhà nước
- Tổng số CBCNV không được mua cổ phần ưu đãi: : 00 lao động

Trong đó:

- Tổng số năm công tác của toàn bộ : 1.211 năm
CBCNV được mua cổ phần theo thâm niên
làm việc trong khu vực nhà nước
- Tổng số cổ phần mua theo thâm niên làm : 121.100 cổ phần tương đương giá trị
việc trong khu vực nhà nước 1.211.000.000 đồng tính theo mệnh giá
chiếm 1,52% vốn điều lệ CTCP
- Giá bán : 60% giá bán thành công thấp nhất cho
các nhà đầu tư chiến lược

✚ **Cổ phần người lao động mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần với mức giá bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược.**

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, quy định như sau:

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.

Công ty đã tổ chức Hội nghị công nhân viên chức để phổ biến tới người lao động chính sách ưu đãi cho người lao động và thông qua tiêu chí lao động chuyên gia giỏi, kết quả như sau:

* Tiêu chí lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao gồm:

- Lao động giữ các chức vụ từ trưởng, phó phòng, ban Công ty; Giám đốc, các phó Giám đốc các xí nghiệp trong Công ty trở lên;

- Trưởng các đoàn thể;

- Lao động có trình độ Đại học từ bậc 5 trở lên;

- Lao động có trình độ Cao đẳng, trung cấp từ bậc 8 trở lên;

- Công nhân có trình độ bậc thợ từ bậc 5 trở lên.

* Tình hình đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP của người lao động như sau:

- Số lao động chuyển sang làm việc tại : **97 người**
Công ty cổ phần

- Số lao động đăng ký mua cổ phần theo : **96 người**
thời gian cam kết làm việc tại CTCP

Trong đó: Lao động chuyên gia giỏi, có : **25 người**
trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao

- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký : **227.400 cổ phần** – tương đương giá trị
mua **2.274.000.000 đồng** tính theo mệnh giá
chiếm **2,84%** vốn điều lệ Công ty cổ

	phần
Trong đó: Số cổ phần đăng ký mua của lao động chuyên gia giỏi :	93.400 Cổ phần – tương đương giá trị 934.000.000 đồng tính theo mệnh giá chiếm 1,17% vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Giá bán :	100% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược

Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định (mua theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước và mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần) là: 348.500 cổ phần, tương đương 3.485.000.000 đồng tính theo mệnh giá – chiếm 4,36% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

3. Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 59/NĐ-CP thì Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định của Luật Công đoàn; không được huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Tuy nhiên, kinh phí của Công đoàn Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên chỉ đủ chi hoạt động thường xuyên nên Công đoàn không tham gia mua cổ phần khi cổ phần hóa.

4. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán làm cơ sở để lựa chọn và bán cổ phần lần đầu cho Nhà đầu tư chiến lược của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên. Nội dung như sau:

Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược

a. Tổ chức đăng ký tham gia là nhà đầu tư chiến lược là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, 100% nguồn vốn của nhà đầu tư trong nước (kể cả nguồn vốn tại Công ty mẹ, nếu là mô hình công ty mẹ, công ty con), có ngành nghề hoạt động trong ngành nước như khai thác, sản xuất nước sạch, tư vấn, xây lắp, kinh doanh vật tư thiết bị; có kinh nghiệm thực hiện quản lý sản xuất nước sạch, xây lắp, tư vấn, kinh doanh vật tư thiết bị ngành nước; doanh thu về lĩnh vực trong ngành nước chiếm trên 50% tổng doanh thu của Công ty.

b. Năng lực về tài chính:

- Tại niên độ tài chính năm 2015 (đã được kiểm toán hoặc quyết toán thuế): Vốn chủ sở hữu tối thiểu 80 tỷ đồng

- Kết quả hoạt động kinh doanh (đã được kiểm toán hoặc quyết toán thuế) trong 03 năm gần nhất (2013, 2014 và 2015): có lãi, không có lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2015.

- Doanh thu bình quân của 03 năm gần nhất (2013, 2014, 2015): tối thiểu 120 tỷ đồng.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn của 03 năm gần nhất (2013, 2014, 2015): Lớn hơn 1.

- Hệ số thanh toán nhanh của 03 năm gần nhất (2013, 2014, 2015): Khoảng từ 0,5 đến 1.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của 03 năm gần nhất (2013, 2014, 2015): Nhỏ hơn 1,5

c. Về kinh nghiệm:

- Công ty đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược là cổ đông chiến lược của ít nhất 02 Công ty cấp nước mà UBND tỉnh nắm giữ một phần vốn điều lệ.

- Công ty đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược phải là hội viên Hội Cấp thoát nước Việt Nam trên 5 năm liên tục và gần nhất.

- Công ty đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược hoạt động trong ngành nước tối thiểu 10 năm liên tục (tính đến năm 2016).

- Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc của công ty đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược phải là Chủ tịch HĐQT hoặc Giám đốc của ít nhất 01 Công ty cấp nước mà UBND tỉnh nắm giữ một phần vốn điều lệ.

d. Nội dung cam kết:

Có cam kết bằng văn bản của Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) hoặc Chủ sở hữu (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) về việc:

- Không chuyển nhượng số cổ phần đã mua trong thời hạn tối thiểu 10 năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn, phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận bằng văn bản. Không chuyển nhượng số cổ phần mà nhà đầu tư chiến lược đã mua cho các nhà đầu tư nước ngoài dưới bất cứ hình thức nào.

- Kế thừa Phương án sử dụng lao động đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tối thiểu 05 năm, bảo đảm ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động;

- Nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, hoạch định chính sách và phát triển thị trường; cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới hiện đại; đào tạo nguồn nhân lực; cam kết không thực hiện các giao dịch gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần

Phương thức bán cho nhà đầu tư chiến lược

a. Số lượng, tỷ lệ chào bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược.

- Số lượng nhà đầu tư chiến lược: Chọn 01 nhà đầu tư

- Số lượng cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược: 4.400.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ 55% vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến.

- Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm bán đấu giá được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhà đầu tư được phê duyệt lựa chọn làm nhà đầu tư chiến lược. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền đặt cọc.

b. Phương thức bán.

- Phương thức bán: Bán cho nhà đầu tư chiến lược trước khi thực hiện đấu giá công khai .

- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá nhà đầu tư chiến lược đặt mua được xác định là trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm được UBND tỉnh phê duyệt.

c. Trình tự lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

- Tổng số cổ phần bán đấu: **451.500** cổ phần (*tương ứng với 4.515.000.000 đồng chiếm 5,64% Vốn điều lệ Công ty cổ phần*)

- Giá khởi điểm đề xuất : **10.000 đồng/cổ phần**

- Đơn vị tổ chức bán đấu giá: **Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia**
Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Thời gian bán đấu giá : Sau khi bán cho Nhà đầu tư chiến lược

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

6. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Các cổ đông mua cổ phần thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định:

- Nhà đầu tư tham gia đấu giá: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên.

- Người lao động: thanh toán tiền mua cổ phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên..

- Nhà đầu tư chiến lược: thanh toán tiền mua cổ phần theo nội dung trong Biên bản thỏa thuận mua cổ phần giữa các bên.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá bán là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Bảng số 18: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(1)			56.665.260.947
Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại làm tròn	(2)			56.665.260.000
Vốn điều lệ Công ty cổ phần		8.000.000	10.000	80.000.000.000
Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần	(3)	2.800.000	10.000	28.000.000.000
Giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá	(4)			23.334.740.000
Giá trị tính theo mệnh giá của cổ phần bán cho người lao động, bán đấu giá, bán cho NĐT chiến lược	(5)	5.200.000		52.000.000.000
Tiền thu được từ cổ phần hóa	(6)=(7)+(8)+ (9)+(10)			51.515.600.000
Bán cho CBCNV	(7) = (7.1)+(7.2)	348.500		3.000.600.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước	(7.1)	121.100	6.000	726.600.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	(7.2)	227.400	10.000	2.274.000.000
Bán cho công đoàn	(8)	00	6.000	00
Bán cho đối tác chiến lược	(9)	4.400.000	10.000	44.000.000.000
Bán đấu giá lần đầu	(10)	451.500	10.000	4.515.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	(11)=(6)-(4)- {(2)-(3)}			00
Số tiền để lại công ty cổ phần	(12)=(4)			23.334.740.000
Giá trị chênh lệch giữa Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại và Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại làm tròn	(13)=(1)-(2)			947
Chi phí cổ phần hóa	(14)			500.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(15)			285.980.500
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của UBND tỉnh Hưng Yên	(16)=(6)+(13)- (12)-(14)-(15)			27.394.880.447

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty

Ông Nguyễn Đức Tài – Phó Giám đốc Sở Tài chính – Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

2. Đại diện Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên

Bà: Nguyễn Thị Mai Hoa – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên.

3. Đại diện Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Bà **Trần Thị Thu Hương**: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này rất trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của Luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên.

V. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, NIÊM YẾT

Sau khi bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài, Công ty sẽ thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định tại Thông tư 115/2016/TT/BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Theo Khoản 17, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015, Công ty cần phải được đăng ký để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật về cổ phần hóa, tổ chức phát hành phải hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại doanh nghiệp (nếu có), đăng ký lưu ký cổ phần, cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom;

b) Trường hợp doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng mà đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết, doanh nghiệp

phải nộp hồ sơ niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, nếu Công ty đủ điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định Điều 25 Luật Chứng khoán, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ thực hiện và hoàn tất các thủ tục đăng ký Công ty đại chúng, đăng ký lưu ký cổ phiếu tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán, đăng ký giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định. Trường hợp Công ty đủ điều kiện niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 01 năm kể từ ngày đăng ký hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Hưng Yên, ngày tháng năm 2017

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA TẠI DOANH NGHIỆP

TRƯỞNG BAN



**Phó Giám đốc sở Tài chính
Nguyễn Đức Tài**

ĐẠI DIỆN

CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH NƯỚC SẠCH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ MAI HOA

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU HƯƠNG